

## Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

### Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

*Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm các nội dung cơ bản như sau:*

#### **1.1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu**

- Tên dự toán mua sắm: Mua sắm thiết bị y tế (Vật tư) năm 2025-2026 (12 tháng) của Bệnh viện Đa khoa Hoà Bình.

- Tên gói thầu: Gói thầu số 1: Mua sắm thiết bị y tế (Vật tư) năm 2025-2026 (12 tháng) của Bệnh viện Đa khoa Hoà Bình.

- Chủ đầu tư: Bệnh viện Đa khoa Hoà Bình

- Địa điểm thực hiện: Bệnh viện Đa khoa Hoà Bình. Địa chỉ: Đường Cù Chính Lan, phường Hòa Bình, tỉnh Phú Thọ

- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi, trong nước, qua mạng.

- Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn 01 túi hồ sơ

- Nguồn vốn: Nguồn thu sự nghiệp và các nguồn thu hợp pháp khác của đơn vị năm 2025 - 2026.

- Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Tháng 12, 2025

- Loại hợp đồng: Đơn giá cố định

- Thời gian thực hiện gói thầu: 12 tháng (Giao hàng nhiều lần trong suốt thời gian thực hiện gói thầu)

#### **1.2. Yêu cầu về kỹ thuật**

##### **1.2.1. Yêu cầu chung:**

- Yêu cầu nhà thầu mô tả thông số kỹ thuật của hàng hóa và các dịch vụ liên quan chứng minh hàng hóa do nhà thầu chào tuân thủ các thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn dưới đây hoặc có cấu hình tương đương. Bất kỳ thương hiệu, nhãn hiệu nào nếu có trong bảng yêu cầu kỹ thuật đều mang tính chất minh họa các tiêu chuẩn chất lượng, tính năng kỹ thuật yêu cầu. ***Nhà thầu có thể lựa chọn dự thầu hàng hóa có nguồn gốc, xuất xứ, nhà sản xuất, thương hiệu phù hợp với điều kiện cung cấp nhưng phải đảm bảo yêu cầu có thông số kỹ thuật, tính năng sử dụng, tiêu chuẩn công nghệ “tương đương” hoặc tốt hơn*** so với các yêu cầu cụ thể ở dưới và cung cấp tài liệu chứng minh sự đáp ứng tốt hơn của hàng hóa chào thầu so với yêu cầu của HSMT.



							Nêu rõ hàng hóa được phân loại nào kèm theo số văn bản pháp lý như sau: - Sổ công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với thiết bị y tế thuộc loại A, B - Hoặc Sổ giấy chứng nhận đăng ký lưu hành đối với thiết bị y tế thuộc loại C, D - Hoặc Bảng phân loại TTBYT A, B, C, D						
1	Theo HSMT	Tên hàng hóa TTBYT là theo Sổ lưu hành TTBYT.	Theo hàng hóa thực tế	Theo hàng hóa thực tế	Theo hàng hóa thực tế	Theo hàng hóa thực tế	Theo hàng hóa thực tế (do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp)	Ghi rõ đầy đủ toàn bộ quá trình: Tên cụ thể Chủ sở hữu TTBYT -> Nhà phân phối (nếu có) -> Nhà thầu	Theo hàng hóa thực tế (Ghi rõ ngày hết hạn)	Đầy đủ 2 thông tin: Giá và Thời gian hết hiệu lực (nếu có)	- Catalog, Brochure, Hướng dẫn sử dụng, ... của nhà sản xuất. - Tài liệu chứng minh của bên thứ ba		
<p>Nhà thầu cam kết những nội dung kê khai nêu trên là chính xác và hoàn toàn chịu trách nhiệm về thông tin kê khai.</p> <p>Trường hợp Nhà thầu cố tình kê khai thông tin không trung thực nhằm vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật sẽ được coi là hành vi gian lận trong đấu thầu theo quy định tại Khoản 4 Điều 16 Luật Đấu thầu và Nhà thầu sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm, chấp nhận chịu xử lý theo quy định của E-HSMT và pháp luật về đấu thầu</p>													

Lưu ý: (\*): Tại bước hoàn thiện, ký kết hợp đồng, đối với hàng hóa là vật tư, nhà thầu phải cung cấp mã vật tư phục vụ thanh toán bảo hiểm y tế (nếu có) theo Thông tư số 04/2017/TT-BYT (được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 24/2025/TT-BYT), Quyết định số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 (đợt 1) và các Quyết định cập nhật, bổ sung các đợt tiếp theo. Trong trường hợp tên hàng hóa theo không trùng với Thông tư số 04/2017/TT-BYT (được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 24/2025/TT-BYT), Quyết định số 5086/QĐ-BYT và các văn bản liên quan, nhà thầu có trách nhiệm phối hợp cùng Bên mua giải quyết và đính chính thông tin để thực hiện thanh toán BHYT

- Nhà thầu phải có bảng đáp ứng về kỹ thuật của hàng hóa chào thầu so sánh với yêu cầu kỹ thuật của E-HSMT (đính kèm file word/excel + bản ký đóng dấu, scan tại E-HSDT):

STT	Tên hàng hoá	Yêu cầu kỹ thuật của Hồ sơ mời thầu	Quy cách đóng gói (tham khảo) theo E-HSMT	Đáp ứng kỹ thuật của Hồ sơ dự thầu	Quy cách đóng gói của hàng hóa dự thầu	Tài liệu kỹ thuật tham chiếu trong E-HSDT
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Theo	Tên hàng	Quy cách	- Tên hàng	Quy	

STT	Tên hàng hoá	Yêu cầu kỹ thuật của Hồ sơ mời thầu	Quy cách đóng gói (tham khảo) theo E-HSMT	Đáp ứng kỹ thuật của Hồ sơ dự thầu	Quy cách đóng gói của hàng hóa dự thầu	Tài liệu kỹ thuật tham chiếu trong E-HSDT
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	HSMT	hoá theo HSMT	đóng gói theo HSMT	hoá theo Sổ lưu hành TTBYT - Model: ... - Nhà sản xuất: ... - Xuất xứ: ... - Chủ sở hữu (nếu có): ...	cách đóng gói thực tế của hàng hóa dự thầu	
		Mô tả hàng hóa của E-HSMT		Mô tả hàng hóa của E-HSDT (chi tiết đáp ứng từng mục)		Dẫn chiếu từng chi tiết mô tả hàng hoá tới Trang... của Catalog/Tài liệu kỹ thuật/Mô tả hình ảnh... thuộc E-HSDT ( <i>Highlight các nội dung liên quan tới Mô tả hàng hoá trên Tài liệu dẫn chiếu</i> )
				Tiêu chí đáp ứng tương đương hoặc tốt hơn		- Tài liệu chứng minh theo hướng dẫn bên trên về “ <i>Nội hàm tương đương</i> ” - Hoặc tài liệu chứng minh một số tính năng kỹ thuật của E-HSMT đưa ra là tiêu chí không cơ bản ( <i>việc không đáp ứng không làm ảnh hưởng tới tính năng sử dụng của hàng hoá dự thầu</i> ) để Tổ chuyên gia xem xét đánh giá “Chấp nhận được”.
				Tiêu chí gây hạn chế nhà thầu (không được xem xét và đánh giá)		Tài liệu chứng minh yêu cầu kỹ thuật chỉ có duy nhất 01 nhà sản xuất đáp ứng

*Nhà thầu cam kết những nội dung kê khai nêu trên là chính xác và hoàn toàn chịu trách nhiệm về thông tin*

STT	Tên hàng hoá	Yêu cầu kỹ thuật của Hồ sơ mời thầu	Quy cách đóng gói (tham khảo) theo E-HSMT	Đáp ứng kỹ thuật của Hồ sơ dự thầu	Quy cách đóng gói của hàng hóa dự thầu	Tài liệu kỹ thuật tham chiếu trong E-HSDT
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<p><i>tin kê khai.</i></p> <p><i>Trường hợp Nhà thầu cố tình kê khai thông tin không trung thực nhằm vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật sẽ được coi là hành vi gian lận trong đấu thầu theo quy định tại Khoản 4 Điều 16 Luật Đấu thầu và Nhà thầu sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm, chấp nhận chịu xử lý theo quy định của E-HSMT và pháp luật về đấu thầu</i></p>						

### 1.2.2. Yêu cầu kỹ thuật chi tiết:

STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu về đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa (hoặc tương đương)
	<b>Phần 1: Phim X quang</b>	
1.1	Phim chụp X Quang kỹ thuật số	Phim nhiệt khô cỡ 20x25 cm tương thích máy in phim nhiệt Fujifilm, hộp 100 tờ sử dụng công nghệ Eco Dry thân thiện môi trường. Phim gồm 4 lớp: lớp bảo vệ, lớp phim, lớp nhạy nhiệt, lớp bảo vệ.
1.2	Phim chụp X Quang kỹ thuật số	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phim khô nhiệt y tế cỡ 20x25cm.</li> <li>- Mật độ sương mù <math>\leq 0.25</math>.</li> <li>- Lớp nền polyester. Lớp ảnh sử dụng công nghệ microcapsule, bao gồm thuốc nhuộm nhiệt, chất tạo màu, cồng polyvinyl, mù cao su. Lớp bảo vệ gồm kẽm stearate, dầu silicon, cồng polyvinyl.</li> <li>- Chứng nhận lưu hành tự do của một trong những nước châu Âu hoặc G7.</li> <li>- Chứng nhận ISO 13485, CE</li> </ul>
1.3	Phim chụp X Quang kỹ thuật số	Phim nhiệt khô cỡ 35x43 cm tương thích máy in phim nhiệt Fujifilm, hộp 100 tờ sử dụng công nghệ Eco Dry thân thiện môi trường. Phim gồm 4 lớp: lớp bảo vệ, lớp phim, lớp nhạy nhiệt, lớp bảo vệ. Chứng nhận lưu hành tự do của một trong những nước châu Âu hoặc G7.
1.4	Phim chụp X Quang kỹ thuật số	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phim khô nhiệt y tế cỡ 35x43cm.</li> <li>- Mật độ sương mù <math>\leq 0.25</math>.</li> <li>- Lớp nền polyester. Lớp ảnh sử dụng công nghệ microcapsule, bao gồm thuốc nhuộm nhiệt, chất tạo màu, cồng polyvinyl, mù cao su. Lớp bảo vệ gồm kẽm stearate, dầu silicon, cồng polyvinyl.</li> <li>- Chứng nhận lưu hành tự do của một trong những nước châu Âu hoặc G7.</li> <li>- Chứng nhận ISO 13485, CE</li> </ul>
	<b>Phần 2: Vật tư can thiệp mạch</b>	

2.1	Vi ống thông có marker, đường kính 2,6F/ 2,95F	Đầu ống cong 45 độ. Đường kính trong 0,025", Đường kính ngoài đầu xa 2,6F, Chiều dài 150cm, 160cm.
2.2	Vi ống thông hút huyết khối mạch não đường kính trong nhỏ	- Vi ống thông có lớp phủ ưa nước - Có marker ở đầu tip
2.3	Ống hút huyết khối mạch não đường kính trong lớn các cỡ	Chất liệu Nitinol, thiết kế dạng coil dẹt, đường kính trong rộng 0.068" và 0.071", đường kính ngoài tối đa 0.083" và 0.0855". Chiều dài 132cm. Hỗ trợ giá đỡ mạch não Solitaire trong can thiệp điều trị đột quỵ mạch não.
2.4	Giá đỡ lấy huyết khối	Đường kính stent 4,6mm, chiều dài stent 20mm, 24mm, 40mm, dùng cho mạch đường kính 2-4mm, 2-5.5mm. tương thích vi ống thông đường kính 0.021"-0.027", số marker đầu xa 3,4, số marker đầu gần 1, khoảng cách giữa các marker là 5mm, 6mm, 10mm, chiều dài dây dầy 200 cm. Được sử dụng để lấy huyết khối trong điều trị đột quỵ.
2.5	Vi Ống thông can thiệp mạch thần kinh	Ống thông can thiệp, đường kính ngoài là 0.024"-0.029", 0.030"-0.034", 0.036"-0.040" , đường kính trong 0.017", 0.021", 0.027", chiều dài làm việc 150cm, chiều dài coil 15cm, 30cm, chiều dài đoạn xa 6cm, 10cm. Có các dạng đầu tip thẳng, chữ J, cong 45 độ, 90 độ. Tương thích dây dẫn tối đa 0.014", 0.018", 0.025".Được sử dụng trong can thiệp mạch thần kinh.
2.6	Dụng cụ mở đường vào động mạch	Dụng cụ mở đường dùi (Sheath) 5F, 6F, 7F, 8F - Chất liệu dilator: polythylene và Polypropylene, n. - Đủ các cỡ 4Fr, 5F, 6F, 7F, 8F dài 10cm, mỗi size được thiết kế màu sắc khác nhau.
2.7	Vi dây dẫn can thiệp mạch máu với cuộn vàng	- Cấu tạo đồng trục - Đầu xa có phần cuộn vàng (Gold coil) - Đường kính: 0.012"; 0.014"; 0.016" - Chiều dài: 180cm; 200cm - Kiểu đầu: Angled 45° x 4 mm; Angled 90° x 4 mm; Angled 1.5 mm J curve; Double Angled 90°+150° Angled 45x4mm
2.8	Dụng cụ đóng động mạch	Cấu tạo gồm các thành phần sau: - Dụng cụ đóng mạch - 01 dây dẫn cỡ 0.035" hoặc 0.038" dài 70cm - 01 dilator - 01 sheath , Bộ đóng mạch sử dụng cơ chế cầm máu kép với móc neo bên trong lòng mạch và collagen bên ngoài lòng mạch, được giữ bởi chỉ tự tiêu giúp cố định tại vị trí cần đóng mạch. Kích cỡ: 6Fr và 8Fr
2.9	Stent mạch máu ngoại biên	Cấu tạo: - Sử dụng chất liệu Nitinol, thiết kế mắt mở open short-cell - Catheter 3 lớp sheath, lớp trong phủ PTFE - Đầu tip mềm - Tay cầm có hệ thống khóa và thanh cuộn kiểm soát tốc độ nhả stent - Tương thích với dây dẫn 0.035"", introducer 6F và ống thông dẫn đường 8F - Có 4 điểm đánh dấu cản quang ở mỗi đầu stent và 3 điểm đánh dấu cản quang trên ống thông

		<p>Kích thước:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chiều dài ống thông: 80 và 130cm</li> <li>- Đường kính stent: 5; 6; 7; 8; 9; 10mm</li> <li>- Chiều dài stent: 40; 60; 80; 100; 150; 200mm"</li> </ul>
2.10	Vật liệu nút mạch không tải thuốc (đồng trục)	<p>1. Chất liệu hạt vi cầu hydrogel, phủ polymer; đường kính hạt các cỡ trong đó hạt nhỏ nhất có đường kính <math>75 \pm 30</math> và hạt lớn nhất có đường kính <math>1100 \pm 75</math>.</p> <p>2. Hạt đồng trục đóng sẵn trong bơm 2 ml</p>
2.11	Vật liệu nút mạch điều trị ung thư loại bé	<p>1. Cấu tạo gồm hạt vi cầu chất liệu hydrogel. Kích thước hạt các cỡ trong đó hạt nhỏ nhất có đường kính <math>30\mu\text{m}</math> và hạt lớn nhất có đường kính <math>200\mu\text{m}</math>.</p> <p>2. Hạt đồng trục tải được thuốc đóng sẵn trong bơm/lọ <math>\geq 2\text{ml}</math></p>
2.12	Vật liệu nút mạch điều trị ung thư loại to	<p>1. Cấu tạo chất liệu hạt bằng Polyethylene Glycol, Kích thước hạt các cỡ trong đó hạt nhỏ nhất có đường kính <math>100\mu\text{m}</math>; và hạt lớn nhất có đường kính <math>400\mu\text{m}</math>.</p> <p>2. Hạt đồng trục tải được thuốc đóng sẵn trong bơm/lọ 2ml.</p>
2.13	Vật liệu nút mạch điều trị ung thư	<p>1. Cấu tạo: chất liệu hạt bằng Poly copolymer (poly Sodium acrylate vinyl alcohol), Kích thước hạt các cỡ trong đó hạt nhỏ nhất có đường kính <math>30\mu\text{m}</math> và hạt lớn nhất có đường kính <math>200\mu\text{m}</math></p> <p>2. Hạt không đồng trục tải được thuốc đóng sẵn trong lọ 2ml</p>
2.14	Vi ống thông hút huyết khối mạch não	Chiều dài $\geq 160\text{cm}$ , đường kính đầu xa $\leq 0,9\text{mm}$
2.15	Vi ống thông các loại, các cỡ (không phủ ái nước)	Cấu tạo đường kính lòng $0,65\text{mm}$ , chiều dài vi ống thông từ $130\text{cm}$ , chiều dài dây dẫn $140\text{cm}$
2.16	Bộ mở đường vào động mạch	<p>Kích thước các cỡ 4F; 5F; 6F; 7F; 8F</p> <p>Thành phần tối thiểu: kim catheter; dây dẫn đường kính <math>0,889\text{mm}</math>, chiều dài <math>45\text{cm}</math>; bơm tiêm.</p>
2.17	Dây dẫn đường can thiệp mạch các cỡ	<p>1. Dây dẫn ái nước, lõi dây bằng hợp kim titanium, đầu volfram.</p> <p>Đường kính từ <math>0,3\text{mm}</math>, chiều dài <math>180\text{cm}</math>.</p>
2.18	Dây dẫn đường cho bóng và stent	Kích thước các cỡ, Đường kính đầu dây $\leq 0,4\text{mm}$ , phủ lớp PTFE ái nước
2.19	Dây dẫn đường cho Catheter các loại	<p>1. Kích thước các cỡ, chiều dài <math>150\text{cm}</math>, <math>260\text{cm}</math>.</p> <p>2. Chất liệu lõi dây là kim loại phủ lớp ái nước, đầu tròn không gây tổn thương dài từ 3 đến <math>8\text{cm}</math>, đường kính <math>0,889\text{mm}</math></p>
2.20	Dây dẫn đường cho Catheter phủ ái nước	<p>Kích thước: cỡ <math>0.035''</math> dài trong khoảng <math>45\text{cm}</math> đến <math>260\text{cm}</math></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hình dạng: đầu thẳng, cong</li> <li>- Độ dài đầu linh hoạt: 1, 3, 5, <math>8\text{cm}</math></li> <li>- Lõi dây làm bằng Nitinol, lớp áo ngoài polyurethane trộn tungstent, phủ ngoài cùng bằng lớp ái nước.</li> </ul>
2.21	Dụng cụ đóng mạch máu sau can thiệp	<p>Cấu tạo gồm :Dụng cụ đóng mạch, dây dẫn, locator, sheath.</p> <p>Bộ đóng mạch sử dụng cơ chế kẹp với móc neo bên trong lòng mạch và collagen bên ngoài lòng mạch.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>-Phù hợp cho sheath 8Fr</li> <li>- Chứng chỉ FDA</li> </ul>
2.22	Dụng cụ mở đường can thiệp mạch máu	<p>Cấu tạo: lớp trong PTFE, cuộn thép không gỉ ở giữa và lớp ngoài nylon</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lớp phủ ái nước</li> <li>- Đánh dấu cân quang bằng vàng</li> </ul> <p>Kích cỡ:</p>

		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chiều dài tối đa 90cm</li> <li>- Kiểu đầu: Hockey-Stick, Multipurpose, RDC, LIMA, Straight,</li> <li>- Chứng chỉ FDA</li> </ul>
2.23	Dụng cụ mở đường vào động mạch có van cầm máu	<p>Cấu tạo gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kim chọc mạch 18G hoặc 20G</li> <li>- Wire nhựa</li> <li>- Bơm tiêm 2.5ml</li> <li>- Introducer sheath chất liệu ETFE</li> <li>- Dilator (que nong)</li> <li>- Kích thước: đường kính từ 4Fr đến 8Fr dài 7cm, 10cm, 25cm.</li> </ul>
2.24	Hạt vi cầu nút mạch tải thuốc	<p>Tải thuốc, hóa chất: Irinotecan và Doxorubicin.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích cỡ hạt: 100± 75µm; 200± 50µm; 400± 50µm</li> <li>- Hạt không nở, thể tích hạt 2ml.</li> </ul>
2.25	Vi ống thông kèm dây dẫn đồng trục	<p>Loại đồng trục có dây dẫn đi kèm</p> <p>Lớp trong lòng là PTFE.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lớp gia cố là chất liệu Tungsten có tính cản quang.</li> <li>- Lớp ngoài ái nước.</li> <li>- Chiều dài: 130cm</li> <li>- Đường kính: 2.4Fr và 2.7Fr</li> <li>- Chứng chỉ CE và MHLW hoặc FDA</li> </ul>
2.26	Vi ống thông (micro catheter) cỡ 1.7Fr và 1.9Fr	<p>Cấu tạo gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thép không gỉ và PTFE ở lớp trong</li> <li>- Lớp phủ ái nước, đoạn phủ dài 100cm</li> </ul> <p>Kích cỡ: 1.7Fr</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chiều dài: 150cm</li> </ul> <p>Kiểu đầu: Đầu thẳng, 45 độ, 90 độ và hình chữ J.</p>
2.27	Ống thông ái nước chụp mạch tạng	<p>Cấu tạo: 3 lớp</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lớp ngoài polyurethane</li> <li>- Lớp giữa là lớp bên đơn SUS</li> <li>- Lớp trong giàu nylon</li> <li>- Đoạn xa có lớp phủ ái nước dài 25cm hoặc 40cm.</li> <li>- Kích cỡ: 4Fr hoặc 5Fr (đường kính trong 1.10mm). Chiều dài: 70cm, 100cm.</li> <li>- Chứng chỉ CE và MHLW hoặc kFDA</li> </ul>
2.28	Hạt vi cầu không tải thuốc	<p>Kích thước từ 75 đến 1200µm</p> <p>Thể tích hạt 2ml.</p>
2.29	Vật liệu spongel thuyên tắc	<p>Kích thước từ 75 đến 1200µm</p> <p>Thể tích hạt 2ml.</p>
2.30	Van cầm máu chữ y	<p>Van cầm máu chữ Y.</p> <p>Loại xoay hoặc Push</p>
2.31	Bình chứa huyết khối	Sử dụng kết nối với máy bơm hút huyết khối. Bằng nhựa trong suốt, dung tích cỡ khoảng 1000ml, Có nắp tháo rời, đầu kết nối với dây nối hút huyết khối, bộ lọc ngăn chất bẩn
2.32	Dây nối với ống hút huyết khối	Sử dụng tương thích với tất cả ống thông hút huyết khối. Bằng nhựa trong suốt để dàng quan sát dòng chảy khi hút huyết khối, Có công tắc on/off để dàng trong quá trình vận hành.
2.33	Ống hút huyết khối trong lòng mạch máu não	Đầu xa thiết kế cực kỳ mềm cho phép ống hút huyết khối di chuyển được xa hơn. Đường kính trong 0,070", đường kính ngoài đầu gần 0.0825". Chiều dài làm việc 125cm (chiều dài đầu xa là 19cm, chiều dài đầu gần là 106cm) và 131 cm (chiều dài đầu xa

		19cm và chiều dài đầu gần là 112cm), đầu thẳng. Thiết kế dây bên & cuộn mang lại khả năng tốt hơn, độ ổn định hỗ trợ điều hướng từ xa của các thiết bị can thiệp.
2.34	Vi dây dẫn đường kính 0.014"	<p>Cấu tạo đồng trục gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lõi Nitinol siêu đàn hồi.</li> <li>- Lớp ngoài Polyurethane</li> <li>- Lớp phủ ái nước hydrophilic</li> <li>- Đầu xa có phần cuộn vàng (Gold coil) dài 2cm tăng cường tính cân quang</li> <li>- Đầu xa linh hoạt dài, được vuốt thon</li> </ul> <p>Kích thước:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chiều dài dây dẫn: 180cm; 200cm</li> <li>- Đường kính: 0.012"; 0.014"; 0.016"</li> <li>- Hình dạng đầu vào: Angled 45° x 4 mm; Angled 90° x 4 mm; Angled 1.5 mm J curve; Double Angled 90°+150°</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485; CE</li> </ul>
2.35	Vòng xoắn kim loại (coil)	<p>Vòng xoắn kim loại chất liệu platinum, gây tắc mạch ngoại vi, được gắn các sợi bằng chất liệu Nylon hoặc PGLA, với công nghệ Lattice FX độc quyền. Hoàn toàn có thể thu lại sau khi triển khai toàn phần hoặc một phần, dễ dàng thay đổi vị trí bung.</p> <p>Đường kính từ 2mm-20mm, chiều dài từ 4-50 cm. Với hình dạng là Helix.</p> <p>Tương thích với ống thông có đường kính trong nhỏ nhất 0.0165" - 0.021".</p> <p>Hệ thống vòng xoắn kim loại (coil) là hệ thống cắt bằng cơ học (Detachable)</p>
2.36	Bộ dẫn lưu đường mật qua da	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bộ dẫn lưu đường mật qua da, hai đầu, có khóa, được thiết kế để thoát dịch mật trong hệ thống mật.</li> <li>- Chất liệu bằng polyurethane, có phủ lớp ái nước.</li> <li>- Vị trí phần thoát dịch có chiều dài 11cm; 14cm.</li> <li>- Có các đường kính 8.5F, 10F, 12F, 14F</li> <li>- Có các điểm đánh dấu cân quang</li> <li>- Thiết bị được làm bằng ống đơn với 17 hoặc 18 lỗ thoát dịch tùy size.</li> <li>- Đạt các tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Mỹ) và CE (Liên minh Châu Âu EU)</li> </ul>
2.37	Ống dẫn lưu qua da	<p>Ống dẫn B582 lưu qua da có khóa RLC</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu bằng polyurethane, có phủ lớp ái nước.</li> <li>- Có các điểm đánh dấu cân quang trên thân ống</li> <li>- Chiều dài: 15cm, 25cm và 40 cm</li> <li>- Có các đường kính: 6.5F, 7.5F, 8.5F, 10F, 12F, 14F</li> <li>- Đạt các tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Mỹ) và CE (Liên minh Châu Âu EU)</li> </ul>
<b>Phần 3: Vật tư mắt</b>		
3.1	Túi đựng dung dịch xả thải	Túi đựng dung dịch xả thể tích 7000ml; là một phụ kiện nằm trong bộ Quả lọc kèm dây dẫn máu (đã bao gồm 1 túi)
3.2	Dây silicol nối lệ quản	<p>Dây silicon Mini-Monoka nối lệ quản</p> <p>Chất liệu: Silicon y tế có tráng PVP</p> <p>Chiều dài dây 40 mm</p> <p>Đường kính dây 0.64 mm</p>

		Đường kính viên nút 2 mm Vô trùng
3.3	Thủy tinh thể nhân tạo đơn tiêu	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thủy tinh thể mềm 1 mảnh, đơn tiêu cự, phi cầu.</li> <li>- Chất liệu acrylic hỗn hợp không ngậm nước và ngậm nước</li> <li>- Kính lọc tia UV, trong suốt (không nhuộm màu).</li> <li>- Chỉ số khúc xạ là 1,46; chỉ số ABBE là 47.</li> <li>- Kính thiết kế theo dạng hai mặt lồi với cầu sai hiệu chỉnh dạng trung tính (0<math>\mu</math>m).</li> <li>- Thiết kế bờ vuông (cạnh vuông) 360 độ chống đục bao sau.</li> <li>- Kính dạng 4 càng khép kín. Góc càng 8 độ.</li> <li>- Đường kính optic <math>\leq</math> 6 mm. Chiều dài tổng <math>\leq</math> 11mm.</li> <li>- Dãy diopter từ 5,0 D đến + 35,0 D.</li> <li>- Kính lắp sẵn trong cartridge kèm dụng cụ đặt kính</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc FDA</li> </ul>
3.4	Thủy tinh thể nhân tạo đơn tiêu	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thủy tinh thể nhân tạo đơn tiêu, mềm, 1 mảnh, tăng cường thị lực trung gian</li> <li>- Chất liệu acrylic hỗn hợp không ngậm nước và ngậm nước 25%.</li> <li>- Thiết kế phi cầu hiệu chỉnh bậc cao</li> <li>- Thiết kế bờ vuông (cạnh vuông) 360 độ chống đục bao sau.</li> <li>- Thiết kế càng chữ C khép kín</li> <li>- Chiều dài tổng 12,5 mm.</li> <li>- Đường kính optic 6,00 mm</li> <li>- Góc càng 0 độ</li> <li>- Chỉ số khúc xạ: 1,46</li> <li>- Dãy công suất từ -10D đến +35D ( bước nhảy độ 0.5D)</li> <li>- Lắp sẵn trong cartridge kèm injector dùng 1 lần</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc FDA</li> </ul>
3.5	Thủy tinh thể nhân tạo đa tiêu	<p>Chất liệu: Hydrophilic Acrylic (26% nước);  Điểm hội tụ: Đa tiêu, kéo dài tiêu điểm (EDOF); Đặc điểm càng: 2 càng;  Chiều dài thủy tinh thể: 10.8mm  Công suất cộng thêm: +3.0D;  Thiết kế bề mặt phần quang học (optic): Phi cầu, khúc xạ;  Màu sắc: màu trắng;  Lọc hoặc chống tia UV tại bước sóng 370nm;  Cấu tạo: 1 mảnh;  Hàng số A: 118.0  Kích thước vết mổ: từ 2.2mm;  IOL kèm theo dụng cụ đặt nhân (Cartridge + Injector);</p>
3.6	Thủy tinh thể nhân tạo đa tiêu	<p>Chất liệu: Hydrophilic Acrylic (26% nước);  Điểm hội tụ: Đa tiêu, kéo dài tiêu điểm (EDOF);  Đặc điểm càng: 2 càng;  Chiều dài thủy tinh thể: 10.8mm;  Công suất cộng thêm: +3.0D;  Thiết kế bề mặt phần quang học (optic): Phi cầu, khúc xạ, nhiễu xạ;  Màu sắc: màu trắng;  Lọc hoặc chống tia UV tại bước sóng 370nm;  Cấu tạo: 1 mảnh;  Hàng số A: 117.8</p>

		Kích thước vết mổ: từ 2.2mm; IOL kèm theo dụng cụ đặt nhân (Cartridge + Injector).
3.7	Vòng căng bao	Đảm bảo điều kiện ổn định trong suốt quá trình phẫu thuật Ngăn chặn chứng xơ hóa trong túi bao - Chất liệu: PMMA hoặc tương đương - Độ dày khoảng 0.2mm - Đường kính tổng 12.0 Đường kính đóng : 10.0mm - Đường kính tổng: 13.0 đường kính đóng : 11.0mm - Đóng gói vô trùng
3.8	Dao phẫu thuật mắt cầm tay (dao mổ mỏng)	Được làm bằng thép không gỉ, không gây chói, có tay cầm bằng nhựa. Kích thước lưỡi dao mổ $\geq 2.0$ mm, lưỡi dao bẻ góc, tuân thủ OSHA và CMS. Đóng trong túi tiệt trùng vô khuẩn, có xốp bảo vệ lưỡi dao. Đạt tiêu chuẩn FDA
	<b>Phần 4. Vật tư máy tách thành phần máu</b>	
4.1	Bộ kit thu nhận tiểu cầu đơn với máy tách thành phần máu tự động MCS + 9000	- Bộ kit phù hợp thu tiểu cầu theo cơ chế ly tâm không liên tục - Sử dụng để gạn tách thành phần máu trên người hiến, đóng gói vô trùng. - Hiệu suất thu thập tiểu cầu: $\geq 3 \times 10^{11}$ , thể tích thu thập 250ml - Có túi chống đông ACD-A $\geq 500$ ml đi kèm - Bộ kit bao gồm: + Bàu ly tâm 225ml + Kim 17G kèm bộ lấy mẫu chân không + Đường chống đông gồm kim nhựa kết nối và bộ lọc khuẩn + Bộ phận lọc khí trên đường truyền máu + 01 Túi đựng sản phẩm tiểu cầu $\geq 1000$ ml cho phép bảo quản tiểu cầu đến $\geq 7$ ngày + 01 túi đựng huyết tương $\geq 1000$ ml + 01 túi khí $\geq 600$ ml
4.2	Bộ kit thu nhận tiểu cầu đôi với máy tách thành phần máu tự động MCS + 9000	- Bộ kit phù hợp thu tiểu cầu theo cơ chế ly tâm không liên tục - Sử dụng để gạn tách thành phần máu trên người hiến, đóng gói vô trùng. - Hiệu suất thu thập tiểu cầu: $\geq 6 \times 10^{11}$ , thể tích thu thập 500ml - Có túi chống đông ACD-A $\geq 500$ ml đi kèm - Có thể bù muối trong quá trình gạn tách - Bộ kit bao gồm: + Bàu ly tâm 225ml + Kim 17G kèm bộ lấy mẫu chân không + Đường chống đông gồm kim nhựa kết nối và bộ lọc khuẩn + Đường bù muối với bộ lọc khuẩn + Bộ phận lọc khí trên đường truyền máu + 02 Túi đựng sản phẩm tiểu cầu $\geq 1000$ ml cho phép bảo quản tiểu cầu đến $\geq 7$ ngày + 01 túi đựng huyết tương $\geq 1000$ ml + 01 túi khí $\geq 600$ ml
	<b>Phần 5. Vật tư thận nhân tạo và lọc máu</b>	
5.1	Bộ dây dẫn máu cho liệu pháp tách huyết	Bộ dây tách huyết tương PEX cho máy lọc máu Diapact CRRT, một bộ gồm: Dây động mạch, dây tĩnh mạch; Bộ chuyển đổi điện

	tương sử dụng cho máy lọc máu liên tục	áp quả lọc tách huyết tương, Dây dẫn dịch thay thế, Dây dẫn đầu ra huyết tương; 04 bộ/ thùng
5.2	Bộ dây dẫn máu cho liệu pháp thẩm tách/ siêu lọc sử dụng cho máy lọc máu liên tục	Bộ dây lọc máu cho CVVH/CVVHD/CVVHFD/HF/HFD/HD cho máy lọc máu Diapact CRRT, một bộ gồm: 2 Túi dịch thải, 2 đầu kết nối túi, dây động mạch, Dây dẫn đầu vào dịch thay thế/thẩm tách; Dây dẫn đầu ra Siêu lọc/ thẩm tách; 04 bộ/ thùng
5.3	Bộ quả lọc máu liên tục	"Quả lọc máu liên tục kèm bộ dây dẫn: Chất liệu: - Sợi lọc AN69 HF: Acrylonitrile và sodium methallyl sulfonate copolymer - Vỏ và đầu quả lọc: Polycarbonate - Ống dẫn: PVC - Cartridge: PETG Phương pháp tiệt trùng: EtO (ethylene oxide) Thông số kỹ thuật của quả lọc: - Áp lực máu tối đa (mmHg/kPa): 500/66,6 - Thể tích máu trong quả lọc ( $\pm 10\%$ ): 152 ml - Diện tích màng hiệu dụng: 0,9m <sup>2</sup> - Đường kính trong của sợi lọc (khi ướt): 240 $\mu$ m - Độ dày thành sợi lọc: 50 $\mu$ m - Tốc độ máu: 75 - 400 ml/phút - Thể tích mỗi máu (chi ở quả lọc): 66 ml $\pm 10\%$ - Cân nặng bệnh nhân tối thiểu: 30 kg"
5.4	Bộ quả lọc máu liên tục	Bộ dây máu kèm đầu nối mở và màng lọc 1.6m <sup>2</sup> cho liệu pháp CVVHD, CVVHDF, kết hợp với lọc máu hấp phụ; bao gồm: Dây dẫn động mạch có các dây dẫn phụ chứa citrate/heparin; Dây dẫn tĩnh mạch có dây dẫn phụ chứa canxi kèm túi chứa 2 lít chất thải dịch môi; Dây dẫn dịch thẩm tách kèm túi làm ấm; Dây dẫn dịch thải kèm cổng lấy mẫu; Dây dẫn dịch bù; túi dịch thải 7 lít; 5 bộ đo áp lực kèm màng lọc 0,2 $\mu$ m phù hợp với chống đông máu bằng heparin và citrate. Tiệt trùng bằng Ethylene Oxide
5.5	Bộ quả lọc trao đổi huyết tương	"Quả lọc trao đổi huyết tương được kết nối sẵn với bộ dây dẫn: - Thể tích máu của cả bộ quả lọc: 127 ml $\pm 10\%$ - Diện tích màng hiệu dụng: 0,35 m <sup>2</sup> - Chất liệu màng lọc dạng sợi rỗng: Polypropylene - Đường kính trong của sợi lọc (khi ướt): 330 $\mu$ m - Độ dày thành sợi lọc: 150 $\mu$ m - Thể tích máu trong sợi lọc: 41 ml $\pm 10\%$ - Tốc độ máu tối thiểu: 100 ml/phút - Tốc độ máu tối đa: 400 ml/phút"
5.6	Bộ quả lọc trao đổi huyết tương	Bộ dây tách huyết tương TPE 0,7m <sup>2</sup> bao gồm các bộ phận sau: - Dây động mạch kèm dây dẫn phụ cho truyền heparin, cổng chọc kim và đầu nhọn; - Dây tĩnh mạch kèm túi chất thải 2 lít để môi dịch, cổng chọc kim và cổng tiêm truyền; - Dây dẫn dịch thải kèm cổng lấy mẫu; - Dây dẫn dịch thay thế kèm túi làm ấm; - Túi dịch thải 7 lít - Filter bảo vệ các cổng áp lực

		- Quả lọc tách huyết tương 0,7 m <sup>2</sup> : chất liệu Polyethersulfone, diện tích 0,7m <sup>2</sup>
5.7	Bộ quả lọc máu liên tục	"Quả lọc máu liên tục có gắn Heparin kèm bộ dây dẫn có 3 chức năng: loại bỏ Cytokine, loại bỏ nội độc tố, lọc máu liên tục (loại bỏ dịch và độc tố Urê huyết) Chất liệu: - Màng lọc cấu tạo 3 lớp: + Sợi rỗng AN69 (Acrylonitrile và sodium methallyl sulfonate copolymer) + PolyethyleneImine (PEI) + Bề mặt sợi lọc được gắn heparin (4500+/-1500 IU/m <sup>2</sup> ) - Vỏ và đầu quả lọc: Polycarbonate - Vách đầu quả lọc: Polyurethane - Ống dẫn: PVC - Cartridge: PETG Tiệt trùng: EtO (ethylene oxide) Thông số kỹ thuật của quả lọc - TMP tối đa* (mmHg/kPa): 450/60 - Áp lực máu tối đa (mmHg/kPa): 500/66,6 - Thể tích máu trong quả lọc (±10%): 193 ml - Diện tích màng: 1,5m <sup>2</sup> - Đường kính trong của sợi lọc (khi ướt): 240µm - Độ dày thành sợi lọc: 50µm - Tốc độ máu: 100 - 450 ml / phút - Cân nặng bệnh nhân tối thiểu: 30 kg"
5.8	Quả lọc máu dùng cho liệu pháp thay thế thận liên tục	Màng lọc máu cấp cứu; chất liệu: Polysulfone; tiệt khuẩn bằng tia Gamma; diện tích bề mặt 2.0 m <sup>2</sup> , hệ số sàng: Myoglobine = 0.55; β <sub>2</sub> -microglobulin =0.8; Albumin = 0.005
5.9	Quả lọc huyết tương	Màng lọc tách huyết tương diện tích 0.5 m <sup>2</sup> , chất liệu polyethersulfone, đường kính trong sợi màng 300 micromet , dày sợi màng 100 micromet , kích thước lỗ màng tối đa 0.5 micromet, tiệt trùng ETO, thể tích ngăn máu 48 ml , thể tích ngăn plasma 154 ml , tốc độ máu 60 - 180 ml/phút , tốc độ plasma = 30% tốc độ máu , áp lực xuyên màng tối đa 100mmHg
5.10	Bộ Kit cho máy lọc máu liên tục	Quả lọc PlasmaFlux P2dry: Chất liệu màng Fresenius polysulfone, Tiệt trùng bằng hơi nước Inline. Diện tích màng: 0.6 (m <sup>2</sup> ). - 1 bộ cassette: gồm dây động mạch, dây tĩnh mạch, dây dịch thải kèm trong mỗi bộ kit - 1 túi thải 10L - Thể tích mỗi (quả lọc) máu/dịch: 67ml/160ml - Tốc độ máu khuyến cáo: 80-250ml/phút - Áp lực xuyên màng tối đa: 100 mmHg Tương thích máy multiFiltrate
5.11	Bộ Kit cho máy lọc máu liên tục	Quả lọc Ultraflux AV600S: Chất liệu màng Fresenius polysulfone, Tiệt trùng bằng hơi nước Inline. Diện tích màng: 1,4 (m <sup>2</sup> ). - 1 bộ cassette gồm dây động mạch, dây tĩnh mạch, dây dịch thải kèm trong mỗi bộ Kit

		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổng thể tích máu cần môi: 247ml</li> <li>- Tốc độ máu khuyến cáo: 100-350ml/phút</li> <li>- Áp lực xuyên màng tối đa: 600 mmHg</li> <li>- Thời gian sử dụng tối đa: 72 giờ</li> </ul> <p>Tương thích máy multiFiltrate</p>
5.12	Quả lọc máu hấp phụ điều trị suy thận mạn	<p>Thể tích hấp phụ: <math>\geq 150\text{mL}</math>  Vật liệu vỏ: Nắp quả lọc và miếng đệm mesh được làm từ Polypropylene  Vật liệu hấp phụ: Polystyrene resin sản xuất tại Mỹ  Phương thức khử trùng: Hấp tự động  Thể tích môi: <math>\leq 80\text{ml}</math>  Lưu lượng máu tối đa tới <math>250\text{mL}/\text{phút}</math>  Dải hấp phụ: 5~30kDa</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Diện tích hấp phụ: <math>\geq 56.000\text{m}^2</math></li> <li>- Nội trở tối đa: 4kPa</li> <li>- Áp suất chịu đựng tối đa: 100kPa</li> <li>- Độ chịu lực của hạt: 8,1N</li> <li>- Năng lực hấp phụ: PTH: 50%-53.5%, <math>\beta 2\text{-MG}</math>: 44%-45%, Creatinine: 83%-85%, Protein bounded toxin: 40%-42%, IL-6: 21.8%-31.5%.</li> <li>- pH: Sự khác biệt giữa giá trị pH của ung dịch thử và dung dịch đối chứng trắng không được quá 1,5</li> <li>- Độ hấp phụ tia cực tím nhỏ hơn 0,1</li> <li>- Nội độc tổ vi khuẩn dưới 0,5EU/mL</li> <li>- Kích thước lỗ 3-30nm (cho phép hấp phụ các chất có trọng lượng phân tử lớn)</li> <li>- Sản phẩm đạt tiêu chuẩn: ISO 13485, EC, 2 FSC Châu Âu</li> </ul>
5.13	Quả lọc máu hấp phụ điều trị suy thận mạn	<p>Thể tích hấp phụ: 130ml.  - Thể tích máu: 114ml.  - Vật liệu vỏ: Polycarbonate (PC).  - Vật liệu hấp phụ: hạt Resin, Styrene-divinylbenzene Copolymer liên kết ngang kép (Double Cross-linked Styrene-divinylbenzene Copolymer)  - Phủ hạt hấp phụ: Collodion.  - Độ chịu lực của hạt hấp phụ: 8,1N.  - Tốc độ máu tối đa: <math>\geq 450\text{mL}/\text{phút}</math>.  - Thời gian lọc tối đa: <math>\geq 4\text{h}</math>  - Dải hấp phụ: 5~30kDa.  - Năng lực hấp phụ: tỷ lệ hấp phụ: PTH: 53.4%; <math>\beta 2\text{-MG}</math>: 44.7%; Creatinine: 85%; Protein toxins: 42%; IL-6: 21.8%~31.5%.  - Phương thức khử trùng: chiếu xạ.  - Kiểm soát sàng phân tử Nano.  - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO13485, EC</p>
5.14	Dây nối quả hấp phụ	<p>Chất liệu: nhựa PVC y tế, không gây kích ứng. Không Latex. Không gây sốt. Mặt trong thành ống trơn nhẵn giảm lực cản của máu, hiện tượng đóng cặn. Ống dây mềm đảm bảo thoát máu.  Kích thước dây: Đường kính trong 4,4mm; Đường kính ngoài 6,7mm; Độ dài 800mm.</p>
5.15	Quả lọc hấp phụ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thể tích hấp phụ: <math>\geq 350\text{mL}</math></li> <li>- Vật liệu vỏ: Nắp quả lọc và miếng đệm mesh được làm từ</li> </ul>

		<p>Polypropylene</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phương thức khử trùng: Hấp tự động</li> <li>- Thể tích môi: <math>\leq 170\text{ml}</math></li> <li>- Lưu lượng máu tối đa tới <math>250\text{mL/phút}</math></li> <li>- Dải hấp phụ: <math>10\sim 60\text{kDa}</math></li> <li>- Diện tích hấp phụ: <math>\geq 135.000\text{m}^2</math></li> <li>- Nội trở tối đa: <math>4\text{kPa}</math></li> <li>- Áp suất chịu đựng tối đa: <math>100\text{kPa}</math></li> <li>- Độ chịu lực của hạt: <math>8,1\text{N}</math></li> <li>- Năng lực hấp phụ: Endotoxin: <math>36.7\%-52.5\%</math>, TNF <math>-\alpha</math>: <math>31.1\sim 71.2\%</math>, IL <math>-1\beta</math> : <math>35\%</math>.</li> <li>- pH: Sự khác biệt giữa giá trị pH của dung dịch thử và dung dịch đối chứng trắng không được quá <math>1,5</math></li> <li>- Độ hấp phụ tia cực tím nhỏ hơn <math>0,1</math></li> <li>- Nội độc tổ vi khuẩn dưới <math>0,5\text{EU/mL}</math></li> <li>- Kích thước lỗ <math>3\text{-}30\text{nm}</math> (cho phép hấp phụ các chất có trọng lượng phân tử lớn)</li> <li>- Sản phẩm đạt tiêu chuẩn: ISO 13485, EC</li> </ul>
5.16	Quả lọc máu hấp phụ	<p>Vật liệu vỏ: Nắp quả lọc và miếng đệm mesh được làm từ Polypropylene</p> <p>Vỏ quả lọc: PC (Polycarbonate)</p> <p>Vật liệu hấp phụ: nhựa trao đổi anion xốp được phủ copolymer 2-hydroxyethyl methacrylate ưa nước để cải thiện khả năng tương thích của máu</p> <p>Thể tích hấp phụ: <math>350\text{ml}</math></p> <p>Thể tích khoang máu: <math>190\text{ml}</math></p> <p>Diện tích hấp phụ: <math>135.000\text{m}^2</math></p> <p>Nội trở: <math>\leq 4\text{kPa}</math></p> <p>Lưu lượng huyết tương tối đa: <math>\leq 50\text{mL/ phút}</math></p> <p>Áp suất chịu đựng: <math>\leq 100\text{kPa}</math></p> <p>Độ chịu lực của hạt: <math>8.1\text{N}</math></p> <p>Phương thức khử trùng: Nồi hấp tiệt trùng (<math>121\text{ }^\circ\text{C}</math>, <math>20\text{ phút}</math>)</p> <p>Tỷ lệ hấp phụ tính sau 2h trên invivo:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ TBIL: <math>79\%</math></li> <li>+ DBIL: <math>78\%</math></li> <li>+ TBA: <math>58\%</math></li> </ul> <p>- Sản phẩm đạt tiêu chuẩn: ISO 13485</p>
5.17	Quả lọc hấp phụ Resin HA230	<p>Mục tiêu hấp phụ: điều trị Ngộ độc, loại bỏ chất kỵ nước gắn với protein;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thể tích hấp phụ: <math>230\text{ml}</math>;</li> <li>- Thể tích máu: <math>145\text{ml}</math>;</li> <li>- Vật liệu vỏ: Polycarbonate (PC).</li> <li>- Vật liệu hấp phụ: hạt Resin, Styrene-divinylbenzene Copolymer liên kết ngang kép (Double Cross-linked Styrene-divinylbenzene Copolymer)</li> <li>- Phủ hạt hấp phụ: Collodion.</li> <li>- Độ chịu lực của hạt hấp phụ: <math>8,1\text{N}</math>.</li> <li>- Tốc độ máu tối đa: <math>\geq 350\text{mL/phút}</math>;</li> <li>- Dải hấp phụ: <math>500\text{Da}\sim 10\text{kDa}</math>;</li> <li>- Phương thức khử trùng: chiếu xạ.</li> </ul>

		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm soát sàng phân tử Nano</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO13485, EC</li> </ul>
5.18	Quả lọc hấp phụ Resin HA280	<p>Mục tiêu hấp phụ: chất tự miễn, chất trung gian gây viêm.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thể tích hấp phụ: 280mL</li> <li>- Thể tích máu: 155mL</li> <li>- Vật liệu vỏ: Polycarbonate (PC).</li> <li>- Vật liệu hấp phụ: hạt Resin, Styrene-divinylbenzene Copolymer liên kết ngang kép (Double Cross-linked Styrene-divinylbenzene Copolymer)</li> <li>- Phủ hạt hấp phụ: Collodion.</li> <li>- Độ chịu lực của hạt hấp phụ: 8,1N.</li> <li>- Tốc độ máu tối đa: <math>\geq 450</math> mL/phút</li> <li>- Dải hấp phụ: 15-100kDa</li> <li>- Phương thức khử trùng: chiếu xạ.</li> <li>- Kiểm soát sàng phân tử Nano</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO13485, EC</li> </ul>
5.19	Quả lọc hấp phụ Resin HA330	<p>Mục tiêu hấp phụ: cytokines, nội độc tố, TNF</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thể tích hấp phụ: 330ml;</li> <li>- Thể tích môi máu: 170ml;</li> <li>- Vật liệu vỏ: Polycarbonate (PC).</li> <li>- Vật liệu hấp phụ: hạt Resin, Styrene-divinylbenzene Copolymer liên kết ngang kép (Double Cross-linked Styrene-divinylbenzene Copolymer)</li> <li>- Phủ hạt hấp phụ: Collodion.</li> <li>- Độ chịu lực của hạt hấp phụ: 8,1N.</li> <li>- Tốc độ máu tối đa: <math>\geq 700</math> mL/phút;</li> <li>- Dải hấp phụ: 10-60 kDa;</li> <li>- Phương thức khử trùng: chiếu xạ.</li> <li>- Kiểm soát sàng phân tử Nano</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO13485, EC</li> </ul>
<b>Phần 6. Vật tư y tế khác</b>		
6.1	Áo phẫu thuật	Size số 2-3 được làm bằng vải không dệt màu xanh nhạt, chiều dài thân áo từ cổ đến đầu gối, đóng trong túi kín.
6.2	Điện cực cắt đốt đơn cực hình vòng.	Điện cực cắt đốt đơn cực hình vòng, gập góc, dùng với vỏ đặt cỡ 24/26 Fr.
6.3	Sợi cáp cao tần đơn cực	Cáp cao tần đơn cực, chân cắm 4 mm chiều dài 3m.
6.4	Ống kính soi HOPKINS	Ống kính soi HOPKINS, hướng nhìn 30 độ, đường kính 10 mm, chiều dài làm việc 31 cm, có thể tiết trùng được ở nhiệt độ cao bằng hơi nước, sử dụng thấu kính hình gậy, thị kính có bọc sa-phia chống xước
6.5	Vỏ trocar kim loại	Vỏ trocar, cỡ 11mm, chiều dài làm việc 10.5 cm, làm từ thép không gỉ, đầu vát chéo, có van bơm khí
6.6	Van đa chức năng	Van trocar đa chức năng cỡ 11mm, có thể mở bằng tay hoặc mở tự động
6.7	Vỏ trocar kim loại	Vỏ trocar cỡ 6mm, chiều dài làm việc 10.5 cm, làm từ thép không gỉ, đầu vát chéo, có van bơm khí
6.8	Van đa chức năng	Van trocar đa chức năng cỡ 6 mm, có thể mở bằng tay hoặc mở tự động

6.9	Vỏ ngoài	Vỏ ngoài, bằng kim loại, có bọc cách điện, có đầu nối khóa Luer để tưới rửa vệ sinh. Cỡ 5 mm, dài 36 cm
6.10	Tay cầm	Tay cầm phẫu thuật nội soi, bằng nhựa, không khóa
6.11	Lưỡi kéo cong	Lưỡi kéo cong Clickline, phần hàm dụng cụ dài 20 mm, hoạt động kép, lưỡi có răng cưa, dạng thìa. Cỡ 5 mm, chiều dài 36 cm
6.12	Hàm forceps kẹp	Hàm forceps kẹp, phần hàm dụng cụ dài 26 mm, hoạt động đơn, có mở lỗ, có răng cưa nhỏ mịn, không gây tổn thương. Cỡ 5 mm, chiều dài 36 cm
6.13	Hàm forceps kẹp	Ruột kẹp Johann, đơn cực, cỡ 5 x 330mm, chiều dài hàm 21mm
6.14	Hàm forceps kẹp	Hàm forceps kẹp Clickline BABCOCK, phần hàm dụng cụ dài 16 mm, hoạt động đơn, có nhiều răng nhỏ, có mở lỗ, không gây tổn thương. Cỡ 5 mm, chiều dài 36 cm
6.15	Hàm forceps kẹp và phẫu tích	Hàm forceps kẹp và phẫu tích Clickline, phần hàm dụng cụ dài 16 mm, hoạt động kép, cong gấp về bên phải. Cỡ 5 mm, chiều dài 36 cm
6.16	Hàm forceps kẹp và phẫu tích	Ruột kẹp Johann, đơn cực, cỡ 5 x 330mm, chiều dài hàm 21mm
6.17	Hàm forceps kẹp và phẫu tích	Hàm forceps kẹp và phẫu tích Clickline Kelly, phần hàm dụng cụ dài 22 mm, hoạt động kép. Cỡ 5 mm, chiều dài 36 cm
6.18	Que phẫu tích đơn cực	Điện cực phẫu tích và cầm máu, đầu hình chữ L, vỏ bọc cách điện, có chân cắm đốt điện đơn cực. Cỡ 5 mm, chiều dài 36 cm
6.19	Ống tưới hút	Ống tưới hút, bề mặt chống lóa, có lỗ bên hông, van khóa điều khiển bằng một tay, cỡ 5 mm, dài 36 cm
6.20	Ống tưới hút	Ống hút tưới rửa, có lỗ bên, kích cỡ 5.3 x 360mm ; Ống dẫn cho tay cầm, có kênh hút, cỡ 5mm; Tay cầm cho Ống hút rửa, có van khóa
6.21	Mỡ bôi trơn	Mỡ bôi trơn, dùng cho các van khóa
6.22	Hộp ngâm khử khuẩn dụng cụ	Hộp ngâm khử khuẩn dụng cụ, kích thước: 740 x 220 x 132 mm. Bao gồm: Hộp đựng, Khay đục lỗ, và Nắp đậy
6.23	Adaptor	Adaptor, dùng nối các forceps quang học trên với vỏ đặt ống soi niệu đạo.
6.24	Lưới vá sọ (Miếng vá khuyết sọ titan 50x50mm)	Chất liệu Titanium, có độ dày 0.6mm Kích thước 50x50mm Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, EC.
6.25	Lưới vá sọ (Miếng vá khuyết sọ titan 100x100mm)	Vật liệu Titanium Kích thước 100x100mm, dày 0.8mm, sử dụng hệ thống vít 2.0mm Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, EC.
6.26	Miếng vá khuyết sọ ( lưới) titan 2.0 KT 70x50mm	Vật liệu Titanium Kích thước 70x50mm (2.8x2"), dày 0.6mm, sử dụng hệ thống vít 2.0mm Miếng vá (lưới) được thiết kế theo dạng hình học 3, kiểu chữ Y để dàng cắt cũng như uốn khi sử dụng Lỗ vít được thiết kế vát đặc biệt giúp mũ vít chìm xuống tạo bề mặt phẳng hơn khi bắt vít Đường kính phần lỗ vít 3mm/2mm Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, EC.
6.27	Miếng vá khuyết sọ ( lưới) titan 2.0 KT 90x90mm	Vật liệu Titanium Kích thước 90x90mm (3.6x3.6"), dày 0.6mm, sử dụng hệ thống vít 2.0mm

		<p>Miếng vá (lưới) được thiết kế theo dạng hình học 3, kiểu chữ Y để dàng cắt cũng như uốn khi sử dụng</p> <p>Lỗ vít được thiết kế vát đặc biệt giúp mũ vít chìm xuống tạo bề mặt phẳng hơn khi bắt vít</p> <p>Đường kính phần lỗ vít 3mm/2mm</p> <p>Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, EC.</p>
6.28	Miếng vá khuyết sọ ( lưới) titan 2.0 KT 120x120mm	<p>Vật liệu Titanium</p> <p>Kích thước 120x120mm (4.7x4.7"), dày 0.6mm, sử dụng hệ thống vít 2.0mm</p> <p>Miếng vá (lưới) được thiết kế theo dạng hình học 3, kiểu chữ Y để dàng cắt cũng như uốn khi sử dụng</p> <p>Lỗ vít được thiết kế vát đặc biệt giúp mũ vít chìm xuống tạo bề mặt phẳng hơn khi bắt vít</p> <p>Đường kính phần lỗ vít 3mm/2mm</p> <p>Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, EC.</p>
6.29	Miếng vá khuyết sọ ( lưới) titan 2.0 KT 150x150mm	<p>Vật liệu Titanium</p> <p>Kích thước 150x150mm (5.9x5.9"), dày 0.6mm, sử dụng hệ thống vít 2.0mm</p> <p>Miếng vá (lưới) được thiết kế theo dạng hình học 3, kiểu chữ Y để dàng cắt cũng như uốn khi sử dụng</p> <p>Lỗ vít được thiết kế vát đặc biệt giúp mũ vít chìm xuống tạo bề mặt phẳng hơn khi bắt vít</p> <p>Đường kính phần lỗ vít 3mm/2mm</p> <p>Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, EC.</p>
6.30	Lưới vá sọ ( Miếng vá sọ titan 200x200mm)	<p>Vật liệu Titanium</p> <p>Kích thước 200x20mm, dày 0.8mm, sử dụng hệ thống vít 2.0mm</p> <p>Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, EC.</p>
6.31	Miếng vá khuyết sọ ( lưới) titan 2.0 KT 200x200mm	<p>Vật liệu Titanium</p> <p>Kích thước 200x200mm (7.9x7.9"), dày 0.6mm, sử dụng hệ thống vít 2.0mm</p> <p>Miếng vá (lưới) được thiết kế theo dạng hình học 3, kiểu chữ Y để dàng cắt cũng như uốn khi sử dụng</p> <p>Lỗ vít được thiết kế vát đặc biệt giúp mũ vít chìm xuống tạo bề mặt phẳng hơn khi bắt vít</p> <p>Đường kính phần lỗ vít 3mm/2mm</p> <p>Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, EC.</p>
6.32	Bột xương sinh học	<p>- Được dùng trực tiếp ghép xương. Phục hồi xương khô mạnh. Duy trì khối lượng xương trong toàn bộ quá trình sửa chữa và tái tạo. Cấu tạo từ: b-tricalcium Phosphate và Hydroxyapatite.</p> <p>Đóng gói 2,5cc/ 1 gói</p> <p>Đạt tiêu chuẩn CE, ISO 13485</p>
6.33	Bột xương sinh học	<p>Thành phần bao gồm 38% hạt Hydroxyapatite và 62% nước tinh khiết lọc RO</p> <p>Kích thước hạt: 0.5-1.0mm, mật độ (0.46-0.59g/cm<sup>3</sup>)</p> <p>Đóng gói dạng xylan: 1cc (-0/+20%)</p> <p>Diện tích bề mặt BET: 80-110m<sup>2</sup>/g</p> <p>Diện tích bề mặt phân tử cao của hydroxyapatite (khoảng 100 m<sup>2</sup> / g) lớn hơn 50-100 lần so với các công nghệ ghép xương cơ bản</p> <p>Khử trùng: Chiếu xạ gamma</p> <p>Sử dụng ngay không cần pha chế, có xylan phụ sử dụng khi cần</p>

		thiết và được đóng gói trong 2 lớp túi y tế Hàng đạt tiêu chuẩn CE, ISO 13485
6.34	Bột xương sinh học	- Được dùng trực tiếp ghép xương. Phục hồi xương khỏe mạnh. Duy trì khối lượng xương trong toàn bộ quá trình sửa chữa và tái tạo. Cấu tạo từ: b-tricalcium Phosphate và Hydroxyapatite. Đóng gói 5cc/ 1 gói Đạt tiêu chuẩn CE, ISO 13485
6.35	Bột xương sinh học	Thành phần bao gồm 38% hạt Hydroxyapatite và 62% nước tinh khiết lọc RO Kích thước hạt: 0.5-1.0mm, mật độ (0.46-0.59g/cm <sup>3</sup> ) Đóng gói dạng xylanh: 1cc (-0/+20%) Diện tích bề mặt BET: 80-110m <sup>2</sup> /g Diện tích bề mặt phân tử cao của hydroxyapatite (khoảng 100 m <sup>2</sup> / g) lớn hơn 50-100 lần so với các công nghệ ghép xương cơ bản Khử trùng: Chiếu xạ gamma Sử dụng ngay không cần pha chế, có xylanh phụ sử dụng khi cần thiết và được đóng gói trong 2 lớp túi y tế Hàng đạt tiêu chuẩn CE, ISO 13485
6.36	Xương nhân tạo dạng bột nhão	Thành phần bao gồm 38% hạt Hydroxyapatite và 62% nước tinh khiết lọc RO Kích thước hạt: 0.5-1.0mm, mật độ (0.46-0.59g/cm <sup>3</sup> ) Đóng gói dạng xylanh: 2.5cc (-0/+20%) Diện tích bề mặt BET: 80-110m <sup>2</sup> /g Diện tích bề mặt phân tử cao của hydroxyapatite (khoảng 100 m <sup>2</sup> / g) lớn hơn 50-100 lần so với các công nghệ ghép xương cơ bản Khử trùng: Chiếu xạ gamma Sử dụng ngay không cần pha chế, có xylanh phụ sử dụng khi cần thiết và được đóng gói trong 2 lớp túi y tế Hàng đạt tiêu chuẩn CE, ISO 13485
6.37	Xương nhân tạo dạng bột nhão	Thành phần bao gồm 38% hạt Hydroxyapatite và 62% nước tinh khiết lọc RO Kích thước hạt: 0.5-1.0mm, mật độ (0.46-0.59g/cm <sup>3</sup> ) Đóng gói dạng xylanh: 5.0cc (-0/+20%) Diện tích bề mặt BET: 80-110m <sup>2</sup> /g Diện tích bề mặt phân tử cao của hydroxyapatite (khoảng 100 m <sup>2</sup> / g) lớn hơn 50-100 lần so với các công nghệ ghép xương cơ bản Khử trùng: Chiếu xạ gamma Sử dụng ngay không cần pha chế, có xylanh phụ sử dụng khi cần thiết và được đóng gói trong 2 lớp túi y tế Hàng đạt tiêu chuẩn CE, ISO 13485
6.38	Kim tách nước	Kim làm bằng thép không gỉ - Cỡ 27G - Chiều dài kim: 22mm - Đóng gói vô trùng, hộp/ 10 cái
6.39	Ống cầm máu thực quản	Ống silicone cầm máu thực quản dạ dày: 03 nhánh có 02 bóng chèn, van cho bóng chèn thực quản, van cho bóng chèn dạ dày, bóng Pilot, Stylet dẫn đường làm bằng thép không gỉ, trên ống có vạch đánh dấu độ sâu từ 25cm đến 50cm. Bóng chèn dạ dày dài 60mm. Bóng chèn thực quản dài 140mm, áp lực khuyến cáo sử dụng 4.0 kPa(30mmHg), áp suất bóng khi đường kính ngoài

		32mm(áp suất tối đa) 5.3 kPa (40mmHg). Chiều dài ống 950mm. Tiêu chuẩn: ISO 13485.
6.40	Đầu tán sỏi (Điện cực cho máy tán sỏi ngoài cơ thể)	Thông số kỹ thuật - Điện cực dạng Bougi - Khe đánh lửa: 0,6 mm - Điện thế hoạt động: 5,5 – 14 KV (Kilo Volt)
6.41	Kim đốt sóng cao tần	- Kim đốt sóng cao tần đơn cực dùng đốt u mô mềm, u xương dạng xương, u gan. Bộ gồm 01 kim đốt, 01 dây dẫn nước làm mát. - Kim đốt: Chiều dài: 100mm (10cm), 144mm (14.4cm), 150mm (15cm), 200mm (20cm), 250mm (25cm), đường kính 17G. - Đầu phát năng lượng: 7mm (0.7cm), 10mm (1cm), 20mm (2cm), 30mm (3cm). - Tương thích với máy đốt sóng cao tần model: Cool tips/ Hãng sản xuất: Covidien của Bệnh viện. - Đóng gói tiệt trùng sẵn.
6.42	Kim đốt sóng cao tần	- Kim đốt sóng cao tần đa cực dùng đốt u mô mềm, u xương dạng xương, u gan. Bộ gồm 02 kim đốt riêng biệt, 01 dây dẫn nước làm mát. - Kim đốt: Chiều dài 150mm (15cm), đường kính 17G. - Đầu phát năng lượng 30mm (3cm) - Tương thích với máy đốt sóng cao tần model: Cool tips/ Hãng sản xuất: Covidien của Bệnh viện. - Đóng gói tiệt trùng sẵn.
6.43	Kim đốt sóng cao tần	- Kim đốt sóng cao tần đa cực dùng đốt u mô mềm, u xương dạng xương, u gan. Bộ gồm 03 kim đốt riêng biệt, 01 dây dẫn nước làm mát. - Kim đốt: Chiều dài 150mm (15cm) và 250mm (25cm), đường kính 17G. - Đầu phát năng lượng: 30mm (3cm), 40mm (4cm). - Tương thích với máy đốt sóng cao tần model: Cool tips/ Hãng sản xuất: Covidien của Bệnh viện. - Đóng gói tiệt trùng sẵn.
6.44	Hơi Co2	Dung tích: 40 lít; khối lượng khí: (25 ±0,5)kg/bình; Độ tinh khiết CO2 ≥ 99,9% (tt/tt)
6.45	Bình khí EO đơn liều 8-170	Chứa 100% ethylene oxide, cung cấp lượng ethylene oxide xác định trước cho mỗi chu trình tiệt trùng, sử dụng với máy 3M™ Steri-Vac™ * Sản phẩm sử dụng 1 lần đơn liều an toàn, giúp giảm nguy cơ rò rỉ khí và phơi nhiễm EO.
6.46	Oxy được đựng bình 10L	Oxygen ≥ 99,5% (tt/tt) , tạp chất: H2O ≤ 60 mg/l, CO2 ≤ 0,03% (tt/tt), CO ≤ 5/triệu (tt/tt); Giới hạn acid kiềm, các chất oxy hóa phải đạt theo phương pháp thử của Dược điển Việt Nam V chuyên luận về Oxygen [Nếu khí oxygen được sản xuất bằng quy trình phân đoạn khí hóa lỏng thì không cần chứng minh 02 tiêu chí CO2 ≤ 0,03% (tt/tt) và CO ≤ 5/triệu (tt/tt)]
6.47	Oxy lỏng được đựng	Oxygen ≥ 99,6% (tt/tt) , tạp chất: H2O ≤ 60 mg/l, CO2 ≤ 0,03% (tt/tt), CO ≤ 5/triệu (tt/tt); Khí được nạp vào bồn chứa của bệnh viện bằng xe chuyên dụng.

6.48	Hemo clip 11mm	Hemoclip dùng một lần với thiết kế góc mở ngàm lớn, cho phép điều chỉnh đóng mở clip nhiều lần trước khi tiến hành thủ thuật; xoay được 360 độ, độ mở ngàm 11mm; Đường kính ngoài: 2.6 mm; CD làm việc: 2300mm; độ mở 135 độ. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.
6.49	Hemo clip 16mm	Hemoclip dùng một lần với thiết kế góc mở ngàm lớn, cho phép điều chỉnh đóng mở clip nhiều lần trước khi tiến hành thủ thuật; xoay được 360 độ, độ mở ngàm 16mm; Đường kính ngoài: 2.6 mm; CD làm việc: 2300mm; độ mở 135 độ. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485.
6.50	Huyết áp đồng hồ	Bộ gồm: * Máy đo huyết áp: 20-300mmHg. Độ chính xác: $\pm 3$ mmHg. Hệ thống khí: Băng quấn Velcro với túi latex; Bóng bóp kèm van. Khối lượng: 430g * Tai nghe: Đầu ống nghe làm bằng nhôm, tai nghe làm bằng đồng, dây dẫn bằng cao su. Dây chữ Y bằng PVC ( Xám hoặc đen ) . Khối lượng : 130 g
6.51	Bao huyết áp cho máy theo dõi bệnh nhân	Thành phần bao gồm: - Đầu nối với nắp bảo vệ : 01 - Bao đo với ống nối hơi gắn liền : 01 - Vỏ bọc vải : 01 Thông số kỹ thuật: - Bề rộng bao đo: 13 cm - Chu vi thích hợp: từ 23 tới 33 cm - Bao đo và vỏ bọc có thể giặt rửa dễ dàng - Có nắp đậy bảo vệ ống nối hơi - Tuổi thọ đề xuất : 1 năm hoặc 30,000 lần bơm hơi tùy theo điều kiện nào đến trước - Nhiệt độ hoạt động tối đa : 40 độ - Độ ẩm hoạt động tối đa : 85% - Dùng tương thích với Monitor Nihon Kohden
6.52	Bao huyết áp cho máy theo dõi bệnh nhân	Bao huyết áp , Kích thước dải rộng bao từ 25-35 cm. Dùng được cho người lớn, trẻ em, trẻ sơ sinh
6.53	Đồng hồ giảm áp oxy	Nguyên lý hoạt động: Sản phẩm có một đầu kết nối với nguồn oxy, đầu ra kết nối với người bệnh cần khí oxy. Đồng hồ oxy y tế có thể kiểm tra áp suất oxy và điều chỉnh lưu lượng bằng cột lưu lượng. - Áp lực đầu vào: 15Mpa - Áp lực đầu ra: 0,2 – 0,3Mpa - Van an toàn: $0,35 \pm 0,05$ Mpa - Lưu lượng: 1 – 15L/ phút - Áp suất tối đa 0.142Mpa - Dưới 14700kpa, 150kgs/ cm <sup>-2</sup> - Bình làm ấm thể tích 200ml - Không sử dụng dầu
6.54	Giấy ảnh máy siêu âm mắt	Type UST -110S, kích thước 110mm x 20 m, bảo quản từ 5-30°C. Đạt tiêu chuẩn ISO. Hộp 10 cuộn. Số lượng in: 215 bản in. Sử dụng được cho máy siêu âm Sony.
6.55	Giấy điện tim	Dùng cho máy điện tim 12 cần; Kích thước: 210mmx140mmx200 tờ

6.56	Giấy điện tim 6 cần	Dùng cho máy điện tim 6 cần Nihon Konden; 110mm x 140mm x 143 tờ.
6.57	Giấy điện tim 3 cần tập	Dùng cho máy điện tim 3 cần Fukuda. Kích thước 63mmx100mmx300SH
6.58	Giấy ghi kết quả sản khoa	150MM X 100MM X 150 Tờ
6.59	Giấy in	Dùng được cho máy nước tiểu . cao 57mm, đường kính 45mm ( in nhiệt)
6.60	Giấy điện tim 6 cần	Kích thước: 112 mm x 90 mm x 300 sheets, dùng cho máy điện tim. Đạt tiêu chuẩn : ISO 13485
6.61	Kim bấm sinh thiết cổ tử cung	Kích thước: 28cm Chất liệu thép không gỉ,
6.62	Snare (thòng lọng) cắt Polyp	Lọng hình oval, dây dày, tay cầm tích hợp các dấu đo. Đường kính kênh làm việc tối thiểu: 2.8mm. Chiều dài làm việc: 2300mm. Đường kính của lọng có độ mở tối đa: 25mm.
6.63	Kim tiêm cầm máu	Kim tiêm cầm máu nội soi, các góc vát kim khác nhau: góc vát thường, hoặc góc vát giữa, đầu kim 3 góc vát tăng hiệu suất đâm thủng, lumen lưu lượng cao, vỏ bọc ống đàn hồi, thiết kế tay cầm thuận lợi cho thao tác một tay. Chiều dài làm việc 2300mm. Đường kính kênh dụng cụ tối thiểu 2.8mm. Chiều dài kim 4mm. Đường kính kim 23G = 0.6mm.
6.64	Kim gấp dị vật	Ngàm dài, hàm cá sấu có răng chuột, vỏ cách điện, đường kính kênh làm việc tối thiểu 2.8mm, chiều dài làm việc 1650mm, độ mở 14.9mm
6.65	Hotbiosy (cắt Polyp)	Vỏ ngoài có gờ, ngàm oval, cơ chế ngàm lác, đầu có lỗ, vỏ ngoài được đánh dấu bằng màu sắc. Đường kính kênh làm việc tối thiểu: 2.8mm. Chiều dài làm việc: 2300mm. Sử dụng dòng điện nhiệt để cắt và cầm máu
6.66	Bộ dây đo áp lực nội sọ tại não thất, cố định bằng cách tạo đường hầm trên da đầu, kèm dẫn lưu dịch não tủy	Catheter có gắn cảm biến (sensor) ở đầu nằm trong ống dẫn silicon 3mm, có que dẫn đường, có dây dẫn lưu dịch não tủy ra ngoài để giải áp và có vạch đánh dấu độ sâu Mũi khoan xương sọ, đường kính 3,5mm có thể điều chỉnh độ sâu Que điều chỉnh độ sâu mũi khoan Trocar có ống tạo đường hầm Vòng nhựa cố định Nút khóa để dẫn lưu dịch não tủy ra ngoài
6.67	Bộ dây đo áp lực nội sọ và nhiệt độ nội sọ tại não thất kèm lưu dịch não tủy	Catheter có gắn cảm biến, nằm trong ống dẫn silicon 3mm, có que dẫn đường, có dẫn lưu dịch não tủy ra ngoài, có vạch chia centimet để xác định độ sâu Mũi khoan xương sọ, đường kính 3,5 mm, có thể điều chỉnh độ sâu Que điều chỉnh độ sâu mũi khoan Trocar có ống tạo đường hầm Vòng cố định Khóa dẫn lưu dịch não tủy ra ngoài
6.68	Bộ dây đo áp lực nội sọ tại nhu mô có chốt cố định trên hộp sọ	Catheter làm bằng polyamid, gắn cảm biến (sensor) ở đầu, đường kính 0,7mm Chốt có vít vặn chặt Vòng nhựa để điều chỉnh độ sâu của chốt

		Mũi khoan đường kính 2,7mm có thể điều chỉnh độ sâu Que điều chỉnh độ sâu mũi khoan Que thông (dùi chọc màng cứng)
6.69	Bao cao su	Được sản xuất từ cao su thiên nhiên bằng công nghệ nhúng có màu sắc tự nhiên, co giãn tốt
6.70	Mũ giấy	Vật liệu: Vải không dệt polypropylen cao cấp thiết kế dạng xếp, không thấm nước, thông thoáng, mềm mại đảm bảo phủ mọi kiểu tóc, tiện lợi cho phẫu thuật viên. Hình thức: Màu xanh đồng đều, không loang bầm, ko dính tạp chất, dây thun quanh mũ. Không độc tố, không kích ứng da. Không phát hiện các chỉ số Pb, Hg, As, Cd, Sb. Trọng lượng (g/cái): 2.9g – 3.8g/cái. Độ co giãn chun: Độ co giãn tốt, dây thun chắc chắn ôm sát đầu nhưng mềm mại. Không làm đau khi sử dụng lâu. • Tiệt trùng bằng khí EO.Gas. Đạt tiêu chuẩn ISO
6.71	Que đè lưỡi gỗ đã tiệt trùng	Que đè lưỡi gỗ: Gỗ tự nhiên, thớ mịn, đồng nhất, không lõi, không cong vênh. - Gỗ được hấp chín trước khi đưa vào sản xuất và sấy khô, đánh bóng khi ra thành phẩm nên đạt độ cứng, nhẵn cao, an toàn trong sử dụng. - Kích thước: 150mm x 20mm x 2mm. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O)
6.72	Dây garo	Kích thước 4cm x 100cm; 6cm x 100cm
6.73	Giấy dán mi mắt	Kích thước 10cm x 12cm. - Giấy lót phủ Silicon: 15-65% - Keo Acrylate: 3 -30% - Lớp film PolyUrethane trong suốt: Chống thấm nước và vi khuẩn, thông thoáng, co giãn. - Nền keo Acrylate: hạn chế kích ứng da, không sót keo khi tháo băng ra. - Khung viền giấy - Có nhãn ghi chú ngày giờ dán băng
6.74	Casset nhựa	Cassette có lỗ dạng khe, dùng cho mẫu thường quy và có nắp rời kèm theo, bản lề nắp có thể đảo ngược
6.75	Bóng đèn	Bóng đèn halogen 150V-15W (sử dụng cho máy sinh hiển vi phẫu thuật)
6.76	Bóng đèn	24V-40W, sử dụng cho đèn phẫu thuật
6.77	Bóng đèn cực tím	Công dụng tiệt trùng phòng, có nhiều kích cỡ . Kích thước 90cm - 120cm
6.78	Đèn cực tím	Cấu tạo sản phẩm: - Dài: 120cm, chân đèn cao 1,5m, điều chỉnh cao thấp. - Nguồn: 220 VAC - Máng đèn Inox hình chữ C, - Máng đèn hai bóng đối trọng cho công suất gấp đôi. - An toàn cho mắt..
6.79	Đèn đặt nội khí quản (Người lớn)	Bộ đặt nội khí quản với nguồn sáng 2,7 V bóng đèn chân không cho ánh sáng tốt trong vùng khám tổng quát. Ngâm tiệt trùng trong 20 phút Lưỡi thép không gỉ. Tay cầm làm bằng thép không gỉ Cấu hình tiêu chuẩn bao gồm: + Lưỡi đặt nội khí quản cong số 2: 01 Cái + Lưỡi đặt nội khí quản cong số 3: 01 Cái + Lưỡi đặt nội khí quản cong số 4: 01 Cái + Cán tay cầm: 01 cái + Hộp đựng: 01 cái

6.80	Đèn đặt nội khí quản (Trẻ em)	Bộ đặt nội khí quản với nguồn sáng 2,7 V bóng đèn chân không. Hấp sấy tiệt trùng ở 134° C trong 5 phút. Lưỡi thép không gỉ. Tay cầm làm bằng Crôm mạ kim loại Cấu hình tiêu chuẩn bao gồm: + Lưỡi đặt nội khí quản thẳng số 0: 01 Cái + Lưỡi đặt nội khí quản thẳng số 1: 01 Cái + Lưỡi đặt nội khí quản thẳng số 2: 01 Cái + Cán tay cầm: 01 cái + Hộp đựng: 01 cái
6.81	Kẹp xương	Kích thước: 11cm -13cm. Chất liệu thép không gỉ
6.82	Nhiệt kế	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Được làm từ thủy tinh trong suốt, bên trong có vạch chia độ và dải thủy ngân</li> <li>• Nhiệt độ đo được tối đa 35-42°C</li> </ul>
6.83	Thìa nạo cổ tử cung	Thìa nạo đặc Kích thước : 25 cm (±5%)
6.84	Bộ túi chứa dịch giảm đau	Bộ đầy đủ gồm túi chứa dịch giảm đau 200ml bằng chất liệu PVC mềm trong suốt có công bơm vào túi với van kích hoạt Luer (PVC/PP/Si) với dây truyền dịch chuyên dụng chống gập dài 150cm bằng PVC trong suốt với đường kính trong 1mm có đoạn để ép dịch truyền bằng silicon trong suốt, cảm biến áp suất và bộ phận loại bỏ không khí kích thước từ 0,22 - 1,2 micron và kết thúc bằng đầu kết nối van một chiều bằng PC trong suốt với áp lực mở van từ 0,1bar to 0,35bar bảo vệ bằng nắp tiệt trùng. Dùng cho máy bơm giảm đau: - Cho phép cài đặt bằng tay và cài đặt thư viện đến 60 giao thức (protocol) tiêm truyền bằng phần mềm trên máy tính, đáp ứng đầy đủ các chế độ tiêm truyền: + Liên tục + Chỉ tiêm Bolus + Liên tục + tiêm Bolus + Lập trình bơm tự động ngắt quãng PIEB kết hợp PCA - Độ chính xác cao ±5% - Có thể nâng cấp tính năng tự động nhắn tin SMS cảnh báo và quản lý từ xa telemedicine qua mạng
6.85	Lam kính mài	Nguyên vật liệu: Kính trung tính đạt chuẩn Độ dày: 1.0-1.2 mm. Kích thước: 25.4 x 76.2mm(1” x 3”) ±1mm. Mài mờ 1 đầu. Bề mặt phẳng, không mốc.
6.86	Ống 0.1 ml theo máy realtime PCR	- Mục đích sử dụng: 250 strips 4 ống và nắp cho 1000 phản ứng 10–50 µl
6.87	Test chỉ thị sinh học 3M	Chỉ thị sinh học kiểm tra chất lượng nhanh chóng quá trình tiệt khuẩn hơi nước. - Cho kết quả trong 24 phút khi được ủ trong thiết bị 3M Attest Auto-reader 490/490M • Cấu tạo: - Ống đóng sẵn chứa bào tử <i>Geobacillus stearothermophilus</i> - Ống thủy tinh kín với môi trường sinh trưởng - 1 chỉ thị hóa học dán trên đỉnh nắp sẽ chuyển màu khi tiếp xúc với hơi nước trong quá trình tiệt khuẩn • Dùng kiểm tra chất lượng chu trình tiệt khuẩn lò chân không từ

		<p>132°C đến 135°C</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Chỉ thị hóa học trên đỉnh nắp sẽ chuyển từ màu hồng sang màu nâu hoặc nâu đậm khi tiếp xúc với hơi nước trong quá trình tiệt khuẩn</li> <li>• Thành phần: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ống nhựa 50-60%, Nắp Polypropylene 20-25%, Dung dịch môi trường tăng trưởng 10-15%, Ống thủy tinh Borosilicate 5-10%, Chất hỗ trợ quy trình &lt;5%, Nhãn &lt;2%, Vải không dệt Nylon &lt;2%, Bào tử <i>Geobacillus stearothermophilus</i> 0.01-0.05%</li> <li>• Đạt tiêu chuẩn FDA, ISO 13485:2016</li> </ul> </li> </ul>
6.88	Túi chịu nhiệt	<p>Túi ép sử dụng trong tiệt khuẩn hơi nước, EO</p> <p>Kích thước: 350mm x 200m</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Túi gồm 2 mặt: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Mặt giấy y tế loại 60 g/m<sup>2</sup>. Độ dày 83μm; Độ thoáng khí 1000ml/min; Độ bền lực kéo: 6,4kN/m; Độ chịu bụi: 350kPa</li> <li>+ Mặt film tiêu chuẩn (PET/PP) Lớp PET dày 12μm; Lớp PP dày 40μm ; Nhiệt độ hàn 180 độ C; Độ bền chịu xé tối thiểu 70mN;</li> </ul> </li> <li>- Không chứa chì, kim loại nặng và vật liệu độc hại,</li> <li>- Tích hợp vạch chỉ thị trên túi sau khi tiệt trùng</li> <li>+ Tiệt trùng hơi nước vạch chỉ thị đổi màu từ xanh da trời -&gt; nâu/đen</li> <li>+ Tiệt trùng EO vạch chỉ thị đổi màu từ hồng (đỏ) -&gt; vàng/ cam</li> </ul>
6.89	Túi chịu nhiệt	<p>Túi ép sử dụng trong tiệt khuẩn hơi nước, EO</p> <p>Kích thước: 300mm x 200m</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Túi gồm 2 mặt: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Mặt giấy y tế loại 60 g/m<sup>2</sup>. Độ dày 83μm; Độ thoáng khí 1000ml/min; Độ bền lực kéo: 6,4kN/m; Độ chịu bụi: 350kPa</li> <li>+ Mặt film tiêu chuẩn (PET/PP) Lớp PET dày 12μm; Lớp PP dày 40μm ; Nhiệt độ hàn 180 độ C; Độ bền chịu xé tối thiểu 70mN;</li> </ul> </li> <li>- Không chứa chì, kim loại nặng và vật liệu độc hại,</li> <li>- Tích hợp vạch chỉ thị trên túi sau khi tiệt trùng</li> <li>+ Tiệt trùng hơi nước vạch chỉ thị đổi màu từ xanh da trời -&gt; nâu/đen</li> <li>+ Tiệt trùng EO vạch chỉ thị đổi màu từ hồng (đỏ) -&gt; vàng/ cam</li> </ul>
6.90	Túi chịu nhiệt	<p>Túi ép sử dụng trong tiệt khuẩn hơi nước, EO</p> <p>Kích thước: 200mm x 200m</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Túi gồm 2 mặt: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Mặt giấy y tế loại 60 g/m<sup>2</sup>. Độ dày 83μm; Độ thoáng khí 1000ml/min; Độ bền lực kéo: 6,4kN/m; Độ chịu bụi: 350kPa</li> <li>+ Mặt film tiêu chuẩn (PET/PP) Lớp PET dày 12μm; Lớp PP dày 40μm ; Nhiệt độ hàn 180 độ C; Độ bền chịu xé tối thiểu 70mN;</li> </ul> </li> <li>- Không chứa chì, kim loại nặng và vật liệu độc hại,</li> <li>- Tích hợp vạch chỉ thị trên túi sau khi tiệt trùng</li> <li>+ Tiệt trùng hơi nước vạch chỉ thị đổi màu từ xanh da trời -&gt; nâu/đen</li> <li>+ Tiệt trùng EO vạch chỉ thị đổi màu từ hồng (đỏ) -&gt; vàng/ cam</li> </ul>
6.91	Túi chịu nhiệt	<p>Túi ép sử dụng trong tiệt khuẩn hơi nước, EO</p> <p>Kích thước: 150mm x 200m</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Túi gồm 2 mặt: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Mặt giấy y tế loại 60 g/m<sup>2</sup>. Độ dày 83μm; Độ thoáng khí</li> </ul> </li> </ul>

		1000ml/min; Độ bền lực kéo: 6,4kN/m; Độ chịu bực: 350kPa + Mặt film tiêu chuẩn (PET/PP) Lớp PET dày 12µm; Lớp PP dày 40µm ; Nhiệt độ hàn 180 độ C; Độ bền chịu xé tối thiểu 70mN; - Không chứa chì, kim loại nặng và vật liệu độc hại, - Tích hợp vạch chỉ thị trên túi sau khi tiệt trùng + Tiệt trùng hơi nước vạch chỉ thị đổi màu từ xanh da trời -> nâu/đen + Tiệt trùng EO vạch chỉ thị đổi màu từ hồng (đỏ) -> vàng/ cam
6.92	Optic 0°	Đường kính 4mm, hướng nhìn 0 độ, có thể hấp tiệt trùng
6.93	Optic 70°	Đường kính 4mm, hướng nhìn 70 độ, có thể hấp tiệt trùng
6.94	Côn giấy	Côn giấy dùng trong nha khoa size 15-40 Độ thấm hút cao Vô trùng Kích thước theo chuẩn ISO Không chất kết dính Cứng chắc nhưng có thể uốn được, giúp thao tác dễ dàng Đầu côn màu giúp tránh lẫn lộn các kích thước khác nhau Đầu côn trắng giúp kiểm soát ống tủy có được khô và sạch hay chưa Quy cách: Hộp 200 cái Tiêu chuẩn ISO 13485
6.95	Gutta percha	Côn chính gutta percha tiêu chuẩn ISO độ thuôn 4%, 6% Dùng cho trám máy, lý tưởng trong việc lèn ngang, lèn dọc và kỹ thuật lèn nhiệt, giúp trám bít ống tủy hoàn hảo theo 3 chiều. - Dễ đặt vào ống tủy, cân quang, cứng nhưng có thể uốn theo những chỗ cong của ống tủy, tương thích với mô, sản xuất tự động hoàn toàn. - Có nhiều kích cỡ: từ 20-45 Quy cách: Hộp 60 cây Tiêu chuẩn ISO 13485
6.96	Dầu tra tay khoan	Dung dịch vệ sinh, bôi trơn cho các loại tay khoan dùng trong nha khoa bao gồm tay khoan tốc độ nhanh và tay khoan tốc độ chậm và máy tạo khí động lực. Thành phần: dầu khoáng trắng và dầu bạc hà. Quy cách: Chai 500ml + đầu xịt Tiêu chuẩn ISO 13485
6.97	Ống nghiệm thủy tinh	Chất liệu: Thủy tinh, Kích thước: đường kính: 12mm, chiều dài ống: 70mm
6.98	Đầu côn có lọc 10 ul	Tiệt trùng, không RNase & Dnase, endotoxin, Low retention
6.99	Đầu côn có lọc 100 ul	Tiệt trùng, không RNase & Dnase, endotoxin, Low retention
6.100	Đầu côn có lọc 200 ul	Tiệt trùng, không RNase & Dnase, endotoxin, Low retention
6.101	Đầu côn có lọc 1000 ul	Tiệt trùng, không RNase & Dnase, endotoxin, Low retention
6.102	Găng tay không bột	Găng tay y tế không bột được sản xuất từ cao su thiên nhiên, không gây kích ứng khi sử dụng. Màu trắng, dễ dàng thao tác khi sử dụng, không gây kích ứng. Găng kiểm tra dùng trong y tế chỉ sử dụng 01 lần, dùng được cho cả tay trái và tay phải. Găng có độ cong phù hợp với bàn tay, bề mặt nhẵn mịn, bền và có độ đàn hồi tốt. a. Kích thước vật lý: Độ dài trung bình các cỡ: 240mm

		<p>Độ dày tối thiểu 1 lớp áp dụng cho các cỡ 0,08mm.  Các size X-S; S, M, L, X-L  Size X-S: rộng 70±10mm  Size S:80±10mm  Size M: rộng 95±10mm  Size L: rộng 111±10mm  Size X-L:rộng ≥110mm  b. Cường lực và độ giãn dài kéo đứt  -Lực kéo đứt tối thiểu: Trước già hóa: ≥ 7,0 N; Sau già hóa: ≥ 6,0 N  c. Lượng bột (nằm ở mặt trong chiếc găng): ≤ 2mg. Hàm lượng Protein dưới 200µg/dm<sup>2</sup></p>
6.103	Lamen 22x22mm	<p>Chất liệu bằng thủy tinh borosilicate kháng hóa chất của lớp thủy phân đầu tiên, trong suốt, có thể sử dụng để quan sát dưới kính hiển vi huỳnh quang. Tiêu bản hình vuông kích cỡ 22x22mm.  Hộp to gồm 10 hộp nhỏ ( Hộp 1000 cái)</p>
6.104	Ống ly tâm 1,5 ml	<p>Được làm bằng polypropylene y tế chất lượng cao, có thể khử trùng được. Nhiệt độ làm việc: ổn định từ -20 °C đến 121 °C</p>
6.105	Ống ly tâm 2 ml	<p>Được làm bằng polypropylene y tế chất lượng cao, có thể khử trùng được. Nhiệt độ làm việc: ổn định từ -20 °C đến 121 °C</p>
6.106	Ống 0.2 ml theo máy realtime PCR	<p>- Mục đích sử dụng: 1000 ống vách mỏng cho 1000 phản ứng 20 - 50 µl</p>
6.107	Ống đựng mẫu theo máy	<p>- Mục đích sử dụng: 1000 ống đáy nhọn nắp vặn không chân đế (2 ml) sử dụng với máy tách chiết tự động</p>
6.108	Dụng cụ cạo bờ mi lấy bệnh phẩm mắt	<p>Chất liệu thép không gỉ</p>
6.109	Lọ lấy bệnh phẩm vô trùng nắp đỏ	<p>Lọ mẫu nước tiểu bằng nhựa PP tinh khiết 100%, dung tích 60ml, Nắp màu đỏ. Sử dụng nhựa trung tính không phản ứng với các loại hóa chất bên trong, Tiệt trùng bằng khí EO.</p>
6.110	Rắc máy điện châm	<p>Phù hợp với máy điện châm, Một bộ gồm 5 rắc hoặc 6 rắc</p>
6.111	Màng đóng gói thuốc đông y	<p>- 1 cặp gồm 2 cuộn : 1 cuộn mặt trước có chữ thuốc sắc đóng túi, 1 cuộn mặt sau có ghi  Hướng dẫn sử dụng bằng tiếng việt  - Đơn vị tính : kg  - Trọng lượng: 01 cặp túi - (9kg) tương đương 02 cuộn- (4,5kg).  - Ngôn ngữ : Tiếng Việt  - Chiều dài:360 ~400m ;  - Độ dày: 130µm  - Chiều rộng: 10cm. 01 cặp túi đóng được khoảng ~2000 gói, dung tích 180ml.  - Chất liệu PET dai bền, chịu nhiệt, chịu lực, đảm bảo an toàn vệ sinh sạch sẽ, thuận tiện cho việc mang theo người và sử dụng, bảo quản lâu dài</p>
6.112	Nhiệt ẩm kế	<p>Đo nhiệt độ và độ ẩm</p>
6.113	Bao lông oxy	<p>Chất liệu cao su tự nhiên, dung tích 42 lít</p>
6.114	Bát kê các cỡ	<p>Đường kính 5-20cm</p>
6.115	Lưu lượng kế kèm bình làm ẩm (Bình làm ẩm oxy cảm tường)	<p>- Sử dụng chuyên biệt cho khí oxy  - Áp lực đầu vào: 5 bar  - Lưu lượng: 0-15 lít / phút  - Bình làm ẩm có dung tích: 300ml</p>

		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đầu cắm đực cho khí oxy chuẩn Anh</li> <li>- Bình làm ấm Tiệt trùng 134 độ C</li> </ul> Cấu hình bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> <li>- 01 lưu lượng kế+ đầu cắm oxy Chuẩn Anh</li> <li>- 01 bình làm ấm 300ml</li> </ul>
6.116	Lưu lượng kế kèm bình làm ấm (Bình làm ấm oxy cắm tường)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiêu chuẩn áp dụng sản xuất: HTM02.01, ISO 9170-1</li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng sản xuất: ISO13485, EU</li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng lắp đặt: Đáp ứng tiêu chuẩn ISO9001, ISO13485</li> <li>- Dạng lắp đặt: Lắp nổi tường</li> <li>- Sử dụng chuyên biệt cho loại khí oxy</li> <li>- Chuẩn cắm DIN</li> <li>- Sử dụng bi làm khoá giữ đầu cắm đực</li> <li>- Có chế độ khoá đầu cắm đực nhưng chưa cấp khí</li> <li>- Có chế độ khoá đầu cắm đực và cấp khí</li> <li>- Áp lực làm việc: 4-5 bar</li> <li>- Áp lực tối đa: 10 bar</li> <li>- Lưu lượng: 40 l/p</li> <li>- Đường kính ống: 10mm</li> </ul>
6.117	Bình oxy thép 10 lít	Vỏ bình oxy dung tích 10 lít
6.118	Bộ thay băng	Chất liệu thép không gỉ, tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất thiết bị: ISO 13485
6.119	Bộ tiểu phẫu	Gồm 24 chi tiết. Chất liệu thép không gỉ, tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất thiết bị: ISO 13485
6.120	Bộ dụng cụ đặt catheter	Bộ gồm: <ul style="list-style-type: none"> <li>Kẹp phẫu tích có máu: 01 cái</li> <li>Kẹp phẫu tích không máu: 01 cái</li> <li>Panh : 01 cái</li> <li>Kéo cắt chỉ: 01 cái</li> <li>Bát kê phi 10: 01 cái</li> <li>Khay inox 30 x40cm: 01 cái</li> <li>Kìm mang kim: 01 cái</li> <li>Cán dao mổ: 01 cái</li> </ul>
6.121	Bơm hút thai 1 van + kèm cần hút các số	Bơm dung tích 60cc, loại 1 van. Phù hợp với ống hút các cỡ từ 4mm-6mm.
6.122	Bơm hút thai 2 van + kèm cần hút các số	Ống bơm 2 van có dung tích : $\geq 60$ ml. Kèm theo 3 ống hút các cỡ: từ 6 đến 8mm
6.123	Bơm tiêm nha khoa	Ống chích nha khoa <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: thép không gỉ hoặc tương đương.</li> <li>- Kích cỡ 1,8 mm</li> </ul> Quy cách: Gói 1 cái Tiêu chuẩn ISO 13485
6.124	Cân sức khỏe có thước đo	Chức năng: Cân trọng lượng cơ thể và đo chiều cao. <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Trọng lượng cơ thể: Max: 120kg. Min: 2kg</li> <li>2. Đo chiều cao: Phạm vi đo 70-190cm.</li> </ol>
6.125	Đệm bàn khám	Đệm ngoài là giả da, trong là PE, dày 50mm
6.126	Đệm giường bệnh nhân các loại	90cm x180cm
6.127	Giá đựng ống nghiệm	Chất liệu INOX
6.128	Hộp chống sốc	Kích thước 22cm x12cm x7cm

6.129	Hộp đựng bông cotton các loại	Được làm bằng chất liệu inox phi 6cm, 8cm, 10cm
6.130	Hộp hấp inox	Phi 36cm
6.131	Huyết áp điện tử	Máy này là máy đo huyết áp kỹ thuật số dùng để đo huyết áp và nhịp tim của bệnh nhân là người lớn trưởng thành. Thiết bị phát hiện được sự xuất hiện của nhịp tim không đều trong quá trình đo và cho biết điều này qua một biểu tượng cùng các kết quả đo
6.132	Khay Inox các cỡ	Chất liệu INOX; 13x22cm; 17x22cm; 22 x32cm
6.133	Khay quả đậu	Chất liệu INOX, loại 300ml, 400ml
6.134	Trụ cầm panh	chất liệu inox
6.135	Xilanh bơm thuốc cân quang 1 nòng 100 ml	Một bộ bao gồm: 01 xylanh thể tích 100ml, 01 dây nối áp lực cao dài 180cm , 01 ống lấy thuốc nhanh chữ J. Chịu áp suất $\geq 300$ psi; Chất liệu nhựa chịu áp. Tiệt trùng
6.136	Xilanh bơm thuốc cân quang 2 nòng 200 ml	Một bộ bao gồm: 02 xylanh thể tích 200ml, 01 dây nối áp lực chữ Y dài 180cm , 02 ống lấy thuốc nhanh chữ J. Chịu áp suất $\geq 300$ psi; Chất liệu nhựa chịu áp. Tiệt trùng
6.137	Xe lăn tay vận chuyển bệnh nhân	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xe có gắn 2 vòng lăn hai bên, giúp cho việc tự di chuyển</li> <li>- Có hai tay đẩy phía sau để có người nhà giúp di chuyển dễ dàng.</li> <li>- Độ rộng ghế ngồi: 46cm</li> <li>- Khung xe làm bằng sắt mạ crom.</li> <li>- Ghế ngồi bằng chất liệu da simili màu đen.</li> <li>- Tấm đặt chân bằng nhôm đúc hợp kim</li> <li>- Vành xe nan hoa tải trọng 120 kg</li> <li>- Bánh trước rộng 8", xoay 360o</li> <li>- Bánh sau 24", bánh đặc</li> </ul>
6.138	Ống thông khí tai người lớn	Đường kính 1,27mm; được làm bằng chất liệu nhựa Fluoroplastic, màu xanh. Đáp ứng chứng chỉ FDA
6.139	Mũ điện não người lớn và trẻ em	Làm bằng chất liệu silicon y tế, dây điều chỉnh kích cỡ phù hợp với đầu bệnh nhân Có khóa cài bằng cúc bấm thuận tiện. Dùng tương thích với máy điện não Nihonkohden
6.140	Bình làm ẩm máy tạo oxy	- Tiêu chuẩn chất lượng sản xuất: ISO13485, EU Dung tích max: 300ml Dung tích chứa đầy 200ml, chất liệu polysulfone tiệt trùng 134 độ
6.141	Canuyn ngậm miệng nội soi	Ngáng miệng cho người lớn, sử dụng cho tất cả ống soi tiêu hóa với đường kính ngoài đưa vào tối đa 15mm hoặc nhỏ hơn
6.142	Parabeauf nhỏ	loại nhỏ, dài 135mm
6.143	Bóng đèn Xenon 300w	Công suất 300w, dùng cho máy mổ nội soi
6.144	Mặt nạ thở máy không xâm lấn	Tấm tựa trán có thể điều chỉnh được giúp phù hợp với nhiều cấu trúc gương mặt khác nhau. Vành Silicon giúp bệnh nhân thoải mái khi đeo mask. Có lỗ thoát khí đảm bảo an toàn cho bệnh nhân. Dây đeo mask tiện lợi, dễ sử dụng
6.145	Chỉ phẫu thuật không tiêu Carelon 5/0	Chỉ không tan tổng hợp Nylon/Polyamide số 5/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 16 mm. Kim thép 302 phủ silicon, mũi kim sắc nhọn. Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả, mũi vuốt nhọn
6.146	Chỉ Prolene số 4/0	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi polypropylene số 4/0 dài 90cm, 2 kim tròn đầu cắt bằng hợp kim thép Ethalloy có chứa (Niken, Titanium, Chromium, Molybden và Ferric), giới hạn độ bền kéo >

		2.750 MPa, dài 20mm 1/2 vòng tròn. Hệ thống cảnh báo sớm, tại nút buộc sợi chỉ biến dạng tạo sự chắc chắn và an toàn
6.147	Chỉ Prolene số 5/0	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi polypropylene số 5/0 dài 75cm, 2 kim tròn đầu tròn bằng hợp kim thép Ethalloy có chứa (Niken, Titanium, Chromium, Molybden và Ferric), giới hạn độ bền kéo > 2.750 MPa, dài 13mm, 1/2 vòng tròn. Hệ thống cảnh báo sớm, tại nút buộc sợi chỉ biến dạng tạo sự chắc chắn và an toàn.
6.148	Chỉ Vicryl số 5/0	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 được bọc bởi 50% là Polyglactin 370 và 50% là Calcium Stearate số 5/0 dài 75cm, kim tròn đầu hình thoi bằng hợp kim thép Ethalloy có chứa (Niken, Titanium, Chromium, Molybden và Ferric), giới hạn độ bền kéo > 2.750 MPa, có phủ silicone cải tiến, dài 17mm 1/2 vòng tròn. Lực căng giữ vết thương 75% sau 14 ngày, 50% sau 21 ngày, 25% sau 28 ngày. Thời gian tự tiêu hoàn toàn: 56-70 ngày. Đạt tiêu chuẩn ISO,
6.149	Chỉ Vicryl số 6/0	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 được bọc bởi 50% là Polyglactin 370 và 50% là Calcium Stearate số 6/0 dài 45cm, kim tròn đầu tròn bằng hợp kim thép Ethalloy có chứa (Niken, Titanium, Chromium, Molybden và Ferric), giới hạn độ bền kéo > 2.750 MPa, có phủ silicone cải tiến, dài 13mm 1/2 vòng tròn. Lực căng giữ vết thương 75% sau 14 ngày, 50% sau 21 ngày, 25% sau 28 ngày. Thời gian tự tiêu hoàn toàn: 56-70 ngày. Đạt tiêu chuẩn ISO,
6.150	Autoclave tape(Băng keo chỉ thị nhiệt hơi nước C-S-L-1-AT)	<p>Băng chỉ thị nhiệt dùng trong tiệt khuẩn hơi nước</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cố định gói dụng cụ chắc chắn</li> <li>- Phân biệt gói dụng cụ đã qua tiệt khuẩn hay chưa</li> <li>• Cấu tạo: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lớp keo dính chắc phù hợp với nhiều loại vật liệu như vải dệt chưa qua xử lý (nghĩa là 100% cotton có thể tái sử dụng và hỗn hợp cotton / poly) và vải không dệt dùng một lần, giấy và giấy / bao bì nhựa</li> <li>- Lớp nền là một loại giấy crepe màu be và cung cấp độ giãn cần thiết khi gói giãn nở trong quá trình tiệt khuẩn</li> </ul> </li> <li>• Kích thước: 24mm x 55m</li> <li>• Sử dụng cho gói dụng cụ tiệt khuẩn bằng hơi nước trong các quy trình tiệt khuẩn hơi nước 250°F/121°C, 270°F/132°C, 273°F/134°C và 275°F/135°C</li> <li>• Vạch chỉ thị hóa chất sẽ hiển thị sự thay đổi màu sắc trực quan từ trắng / nâu nhạt sang nâu sẫm / đen khi tiếp xúc với quy trình tiệt khuẩn bằng hơi nước.</li> <li>• Chỉ báo sẽ không thay đổi trực quan trong vòng 6 tháng khi được bảo quản ở các điều kiện theo hướng dẫn.</li> <li>• Thành phần: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Saturated Crepe paper 40-50%, Adhesive 10-20%, Acrylic Polymer 2-5%, Steam indicator ink 0.5-2%.</li> <li>- Không chứa mù cao su tự nhiên.</li> <li>- Mục chỉ thị hóa học, được in theo</li> </ul> </li> </ul>
6.151	Bộ hút đờm kín	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Được chế tạo bởi nhựa PVC y tế, dễ dàng sử dụng, giảm thời gian và biến chứng khi hút đờm nhớt.</li> <li>• Giảm nhiễm khuẩn, tránh được sự nhiễm khuẩn trong không khí.</li> </ul>

		<p>Swivel Adaptor: Dễ dàng kết nối với ET tube, với bộ dây thở ( thở máy) giúp làm giảm chi phí và thời gian cho việc phải kết nối với các loại Adaptor khác. Dễ dàng kiểm soát chiều dài của ống trong trường hợp dùng cho trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ. Có cổng MDI port. Dùng liên tục trong 24h mà không cần phải thay thế - giảm chi phí cho bệnh nhân có chỉ định hút đờm nhớt thường xuyên và liên tục.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Chiều dài tube: Cho người lớn: 540mm. Cho trẻ em: 310mm. Tiệt trùng bằng EO gas. Tiêu chuẩn : ISO 13485</li> </ul>
6.152	Bột giấy	<p>Chất liệu vải không dệt PP, tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide</p>
6.153	Chỉ thị kiểm soát gói (chỉ thị kiểm soát gói hơi nước C- S- P- 5- SV1)	<p>Chỉ thị hóa học hơi nước nhóm 5 sử dụng để giám sát chất lượng tiệt khuẩn bên trong mỗi gói dụng cụ</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Giám sát tất cả 3 biến quan trọng của quá trình tiệt khuẩn: thời gian, nhiệt độ và hơi nước.</li> <li>• Cấu tạo: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bao gồm một bắc giấy và một viên hóa chất nhạy cảm với hơi nước và nhiệt độ, tất cả được bao bọc trong 1 lớp giấy/màng phim/ lá kim loại.</li> <li>- Công nghệ di chuyển mực in phía trước, viên hóa chất chảy và chuyển thành màu tối sẫm chạy dọc theo bắc giấy</li> </ul> </li> <li>• Kích thước: 5.1 cm x 1.9cm</li> <li>• Hiệu suất tương quan với một chỉ thị sinh học</li> <li>• Kiểm soát chất lượng tiệt khuẩn gói dụng cụ của tất cả các chu trình tiệt khuẩn bằng hơi nước từ 121–135°C</li> <li>• Đọc kết quả với thiết kế vạch màu dịch chuyển qua ô màu xanh lá được đánh dấu "ACCEPT" là đạt hoặc ô màu đỏ được đánh dấu "REJECT" là không đạt.</li> <li>• Chỉ báo sẽ không thay đổi trực quan trong vòng 6 tháng khi được bảo quản ở các điều kiện theo hướng dẫn</li> <li>• Thành phần: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy 55-65%, Acrylate Adhesive 35-45%, Nhôm &lt;0.1%, Polypropylene &lt;0.1%, Coatings &lt;0.01%, Mực &lt;0.1%</li> <li>- Sản phẩm không chứa chì</li> </ul> </li> <li>• Là chỉ thị tích hợp loại 5 được phân loại theo ISO 11140.</li> <li>• Đạt tiêu chuẩn FDA, ISO 13485</li> </ul>
6.154	Kim nha khoa	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thân kim được sillic hóa</li> <li>- Mũi kim thiết kế 2 diện cắt tạo mũi kim Ultra-sharp, có hình dạng tam giác nhọn</li> <li>- Có mũi tên ký hiệu trên đốc kim, đốc kim có mã hóa màu để dễ nhận diện kích thước kim</li> <li>- Kích thước kim 30G (0.3) x 21mm (màu xanh lá)</li> </ul> <p>Quy cách: Hộp 100 cây Tiêu chuẩn ISO 13485</p>
6.155	Lamen 22x40mm	<p>Chất liệu bằng thủy tinh borosilicate kháng hóa chất của lớp thủy phân đầu tiên, trong suốt, có thể sử dụng để quan sát dưới kính hiển vi huỳnh quang. Tiêu bản hình vuông kích cỡ 22x40mm. Hộp to gồm 10 hộp nhỏ ( Hộp 1000 cái)</p>
6.156	Màng lọc độc tố ( Diacap U TraDF Online Filter)	<p>Màng Polysulfone khả năng hấp thụ cao, có khả năng loại bỏ vi khuẩn và nội độc tố &gt; 106 IU /ml, tuổi thọ màng lọc : 150 lần</p>

		chạy thận/ khoảng 900 giờ, có tính ổn định cao tương thích với máy Dialog +
6.157	Ống đo CNHH	Chất liệu giấy, đường kính 24mm, cao 75mm
6.158	Ống hút nước bọt	- Ống hút nước bọt trong đầu màu không rỉ sét, dễ dàng tạo hình, bên trong có lõi bằng kim loại để dễ uốn cong, đầu hút không có cạnh bén. - Dễ sử dụng, dễ dàng tạo hình theo hình dáng mong muốn. - Tăng sự thoải mái và an toàn cho bệnh nhân với đầu ống trơn láng và mềm mại, để tránh hút dính vào mô Quy cách: Bịch 100 cái Tiêu chuẩn ISO 13485
6.159	Ống nghiệm thủy tinh 12mm x 80mm	Chất liệu: Thủy tinh trung tính Kích thước: Đường kính: 12mm, chiều dài ống: 80mm
6.160	Pipet vô trùng	Chất liệu nhựa y tế LDPE, mềm mại, có vạch chia từ 0.5ml, tiết trùng bằng EO gas. Chiều dài 160mm, dung tích lấy mẫu 3ml.
6.161	Pipet không vô trùng	Chất liệu nhựa y tế LDPE, mềm mại, có vạch chia từ 0.5ml. Chiều dài 160mm, dung tích lấy mẫu 3ml.
6.162	Chỉ phẫu thuật không tiêu số 6/0	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi polypropylene số 6/0 dài 60cm, 2 kim tròn đầu cắt, bằng hợp kim thép Ethalloy có chứa (Niken, Titanium, Chromium, Molybden và Ferric), giới hạn độ bền kéo > 2.750 MPa, dài 13mm 3/8 vòng tròn. Hệ thống cảnh báo sớm, tại nút buộc sợi chỉ biến dạng tạo sự chắc chắn và an toàn
6.163	Chỉ phẫu thuật không tiêu số 7/0	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi polypropylene số 7/0 dài 60cm, 2 kim tròn đầu cắt bằng hợp kim thép Ethalloy có chứa (Niken, Titanium, Chromium, Molybden và Ferric), giới hạn độ bền kéo > 2.750 MPa, dài 11mm 3/8 vòng tròn. Hệ thống cảnh báo sớm, tại nút buộc sợi chỉ biến dạng tạo sự chắc chắn và an toàn
6.164	Chỉ phẫu thuật không tiêu số 8/0	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polypropylene số 8/0 dài 60cm, 2 kim tròn màu đen bằng hợp kim thép Ethalloy có chứa (Niken, Titanium, Chromium, Molybden và Ferric), giới hạn độ bền kéo > 2.750 MPa, dài 8mm, 3/8 vòng tròn. Hệ thống cảnh báo sớm, tại nút buộc sợi chỉ biến dạng tạo sự chắc chắn và an toàn
6.165	Chỉ tiêu chậm số 7/0	Chỉ tan tổng hợp đơn sợi Polydioxanone số 7/0, dài 70cm, 2 kim tròn đầu cắt CC 9.3mm, 3/8 vòng tròn, bằng hợp kim thép Ethalloy có chứa (Niken, Titanium, Chromium, Molybden và Ferric), giới hạn độ bền kéo > 2.750 MPa, được phủ bởi lớp silicone cải tiến, vùng kẹp kim phẳng và có rãnh chạy dọc bên trong và ngoài thân kim giúp giữ chặt kim khi thao tác, lực giữ vết mổ 60% sau 2 tuần - 40% sau 4 tuần - 35% sau 6 tuần, thời gian tan hoàn toàn 182 - 238 ngày
6.166	Kim mang kim vi phẫu	Chất liệu thép không gỉ
6.167	Cán dao vi phẫu	Chất liệu thép không gỉ, tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng của nhà sản xuất thiết bị: ISO 13485,
6.168	Kéo cắt thân mỏng	Chất liệu thép không gỉ, dài 16cm
6.169	Kéo cắt da mi	Chất liệu thép không gỉ
6.170	Ống nghiệm nhựa có nắp	Ống nghiệm PP tinh khiết 100%, dung tích 10ml, kích thước 16x100mm. Sử dụng nhựa trung tính không phản ứng với các loại hóa chất bên trong, Có nắp đậy sẵn.
6.171	Kim sinh thiết	Kim chọc hút tủy xương, loại ngắn: đường kính 14G, 15G, 16G, 18G chiều dài kim điều chỉnh được từ 5mm - 20 mm

6.172	Đèn cồn	Chất liệu: thân thủy tinh, dây tim và nắp chụp nhựa chịu nhiệt Dùng trong lĩnh vực phòng thí nghiệm
6.173	Ăng nuôi cấy sắt loại 1 $\mu$ l	Cái, không cán. Gắn vào sẽ thành vòng cấy định lượng hoàn chỉnh
6.174	Ăng nuôi cấy sắt loại 10 $\mu$ l	Cái, không cán. Gắn vào sẽ thành vòng cấy hoàn chỉnh
6.175	Ăng cấy nhựa dùng 1 lần	Que cấy nhựa được sản xuất bằng nhựa HIPS chính phẩm, Dung tích 1 $\mu$ l, màu xanh, chất liệu mềm dẻo dễ dàng lấy mẫu cấy vi sinh mà không ảnh hưởng đến môi trường nuôi cấy. Đầu que cấy vi sinh tròn, không bavìa, lý tưởng cho các quy trình cấy vi sinh, lấy mẫu đạt độ chính xác cao. Đóng gói kín, không thấm nước ngăn chặn hơi ẩm ô nhiễm. Vô trùng bằng tia gamma
6.176	Lọ nhựa đựng mẫu làm AFB	Lọ mẫu nước tiểu bằng nhựa PS tinh khiết 100%, dung tích 60ml, Nắp màu đỏ. Sử dụng nhựa trung tính không phản ứng với các loại hóa chất bên trong,
6.177	Lọ nhựa nắp vàng đựng phân	Lọ mẫu nước phân nhựa PP tinh khiết 100%, dung tích 60ml, Nắp màu vàng. Sử dụng nhựa trung tính không phản ứng với các loại hóa chất bên trong, Tiệt trùng bằng khí EO. Có thìa bên trong
6.178	Đầu côn 200 $\mu$ l dùng trong máy tách chiết PCR	Mục đích sử dụng: đầu tip thể tích 200 $\mu$ l dùng một lần, đóng gói theo rack; (8 x 128). Sử dụng với máy tách chiết tự động
6.179	Đầu côn 1000 $\mu$ l dùng trong máy tách chiết PCR	- Mục đích sử dụng: đầu tip 1000 $\mu$ l dùng một lần, đóng gói theo rack; (8 x 128). Sử dụng với máy tách chiết tự động
6.180	Đầu côn 100-1000 $\mu$	Đầu côn 100 - 1000 $\mu$ L sử dụng với máy VITEK 2. Hộp 96 chiếc
6.181	Đầu côn 0,5-250 $\mu$	Đầu côn 0,5 - 250 $\mu$ L sử dụng với máy VITEK 2. Hộp 96 chiếc
6.182	Cân điện tử	Cân điện tử thông minh không chỉ giúp bạn theo dõi cân nặng tốt hơn mà còn tích hợp chức năng theo dõi các chỉ số: phân trăm chất béo, phân trăm cơ, phân trăm nước, BMI, BMR (Tỉ lệ trao đổi chất trong cơ thể). - Kết nối bluetooth với điện thoại thông minh qua ứng dụng “Laica Home Wellness” có sẵn trên kho ứng dụng IOS (App Store); Android (Google Play). - Thao tác sử dụng cân đơn giản, dễ sử dụng. - Cân thiết kế hiện đại, sang trọng, màn hình LCD lớn dễ dàng đọc kết quả (7.5 x 3.5cm). - Mặt kính chịu lực cao cấp (dày 0.6cm), tự động bật/tắt khi bạn bước lên/ xuống.
6.183	Lưỡi cắt xương sọ	Chiều dài hoạt động 16.5 mm . Dùng với thiết bị khoan tốc độ cao Highsurg 30 của hãng Nouvag
6.184	Bộ dây truyền Atlai đo huyết áp động mạch( Bộ cảm biến đo huyết áp động mạch xâm lấn)	Bộ cảm biến đo huyết áp động mạch xâm lấn và các phụ kiện được làm bằng vật liệu y tế giàu polymer và có độ tương thích sinh học cao. Nó có cấu tạo và cấu trúc riêng biệt, đảm bảo độ tin tưởng và độ an toàn
6.185	Que thử đường huyết	Công nghệ: Cảm biến sinh học/Điện hóa, đường oxidase (GOD) Mỗi que thử chứa các thành phần phản ứng hóa học sau: Glucose oxidase < 25 IU, Chất trung gian (Mediator) < 300 $\mu$ g. Thời gian đo: 10 giây

		<p>Lượng mẫu tối thiểu: 0.5 <math>\mu</math>L          Loại mẫu xét nghiệm: Máu tươi toàn phần từ mao mạch          Phạm vi HCT: 25 - 60%          Khoảng đo đường huyết: 1.1 - 33.3mmol/L (20 - 600mg/dL)          Giá trị YSI tham chiếu được đo từ mẫu máu mao mạch lấy từ đầu ngón tay với khoảng giá trị mẫu phẩm từ 1.9 đến 28.2 mmol/L (34.3 đến 507 mg/dL), cho kết quả:          - Đạt 100% nằm trong khoảng <math>\pm 15\%</math> với nồng độ đường huyết &lt; 5.55 mmol/L (100 mg/dL)          - Đạt 99,6% nằm trong khoảng <math>\pm 15\%</math> với nồng độ đường huyết <math>\geq</math> 5.55 mmol/L (100 mg/dL)</p>
6.186	Kim trích máu	Đầu kim thép không rỉ vát ba đầu sắc nhọn, dùng với bút chích máu, giúp lấy máu không đau. Size: 28G. Tiệt trùng bằng tia Gamma.
6.187	Dụng cụ để sử dụng Hemolok	Đường kính 5mm-10mm, chất liệu thép không gỉ, có đánh dấu màu theo từng cỡ
6.188	Bình hút dịch cầm tường	<p>Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, EU          * Đặc điểm kỹ thuật          - Dải áp lực hút: 0 tới - 1,0 bar          - Áp lực đầu vào thấp nhất: -0.6bar          - Áp lực hút cao nhất: -0.9bar          - Lưu lượng hút đạt 40 lít/phút          - Bình đựng dịch được sản xuất bởi polysulfon và có thể được làm sạch, khử trùng ở mức 134°C          * Cấu hình bao gồm:          - 01 Đầu cầm đực chuẩn Đức cho khí hút          - 01 Bộ điều chế áp lực hút kèm bình chống tràn dịch          - 01 Bình đựng dịch 1000 ml (sử dụng nhiều lần)          - 01 dây dẫn dịch silicone</p>
6.189	T-tube	<p>Bình chứa ô xy có ống 15 cm để lưu trữ ô xy tạm thời          - Cổng cấp ô xy có nắp thon 6mm          - Phù hợp với tiêu chuẩn tương thích sinh học</p>
6.190	Bông cắt 2cm x 2cm (gói 25g)	Bông y tế thấm nước 100% bông xơ thiên nhiên. Bông trắng, không mùi, mềm mịn, dai, không bị toi và có độ thấm hút rất cao. Bông dạng dải, được cuộn thành cuộn chắc, đáp ứng yêu cầu của người sử dụng. Không độc tố và không gây dị ứng, không có tinh bột, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng. Tốc độ hút nước $\leq$ 5 giây. Độ acid và độ kiềm: Trung tính; Hàm lượng chất béo: Không vượt quá 0.5%. Các chất tan trong nước: $\leq$ 0,5%; Độ ẩm: $\leq$ 8%; Gói 25gram,
6.191	Kim đột xoang bướm loại xoay tròn	Kim đột xoang bướm McKenty, chiều dài làm việc 85 mm, loại xoay tròn, cỡ 2.0 x 5.5mm, cắt ngược 90 độ
6.192	Kim đột xoang trán loại 3mm	Kim đột xoang trán, chiều dài làm việc 140 mm, cong lên 70 độ, cỡ 3 mm
6.193	Kim nắm mũi xoang loại thẳng mở xoang bướm	Kim nắm mũi xoang, cắt tròn, cỡ 3.5mm, loại thẳng
6.194	Kim đột xoang thẳng 0 độ	Kim đột Weil-Blakesley, hàm thẳng, chiều dài làm việc 115 mm. cỡ hàm 3mm.

6.195	Kìm đột xoang 45 độ	Kìm đột Weil-Blakesley, hàm cong lên 45 độ, chiều dài làm việc 115 mm. cỡ hàm 3mm.
6.196	Pank phẫu thuật xoang thẳng 0 độ	Kẹp mũi xoang Weil-Blakesley, chiều dài làm việc 115 mm, cỡ hàm 3 -4mmmm, thẳng.
6.197	Kìm đột vách ngăn	Kìm đột vách ngăn Jansen Middleton, chiều dài làm việc 100 mm, cỡ 3.6 mm x 15 mm.
6.198	Kìm đột xoang 90 độ	Kẹp mũi xoang, cong lên 90 độ, hàm nằm ngang. cỡ hàm 2mm.
6.199	Pank phẫu thuật xoang thẳng 45 độ	Kẹp mũi xoang Weil-Blakesley, cong lên 45 độ, chiều dài làm việc 115 mm, cỡ hàm 3.0 mm
6.200	Pank phẫu thuật xoang thẳng 90 độ	Kẹp mũi xoang Weil-Blakesley, cong lên 90 độ, chiều dài làm việc 115 mm, cỡ hàm 4 mm
6.201	Kìm nâng xương chính mũi loại cong xuống khoảng 30 độ	Kìm nâng xương chính mũi loại cong xuống 25 độ, chiều dài 225mm
6.202	Tay dao Hummer XP4	Sử dụng với máy khoan đa năng model IPC của hãng Medtronic hiện có tại Bệnh viện + Chế độ cắt dao động: > 7.500 vòng/phút + Chế độ quay tròn liên tục: > 30.000 vòng/phút Kích thước tay cắt nạo: Dài < 12.5cm x rộng < 2.0cm
6.203	Mũi khoan phẫu thuật mũi xoang các cỡ dùng cho tay khoan Hummer XP4	Đường kính 3.2mm, loại cong 15 độ, dài 15cm
6.204	Kéo vi phẫu thanh quản quẹo trái	Kéo vi phẫu thanh quản Kleinsasser cong trái, chiều dài làm việc 255 mm
6.205	Kéo vi phẫu thanh quản quẹo phải	Kéo vi phẫu thanh quản Kleinsasser cong phải, chiều dài làm việc 255 mm
6.206	Kéo vi phẫu thanh quản thẳng	Kéo vi phẫu thanh quản Kleinsasser loại thẳng, chiều dài làm việc 255 mm.
6.207	Pank vi phẫu thanh quản quẹo trái	hình tim, hàm răng cưa cong trái, chiều dài khoảng 220 mm
6.208	Pank vi phẫu thanh quản quẹo phải	hình tim, hàm răng cưa cong phải, chiều dài khoảng 220 mm
6.209	Pank vi phẫu thanh quản thẳng	Kẹp vi phẫu thanh quản Kleinsasser, loại thẳng, hàm hình miệng chén, hàm cỡ 2 mm, chiều dài làm việc 275 mm
6.210	Đĩa Petri	Chất liệu nhựa PS tinh khiết 100%, trong suốt, đường kính 90mm, không chia ngăn. Dùng trong nuôi cấy tế bào.
6.211	Bóng đèn hồng ngoại	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Phổ ánh sáng hồng ngoại cao, tiết kiệm năng lượng.</li> <li>• Sưởi ấm tức thì cho người sử dụng.</li> <li>• Giảm đau nhức giúp tuần hoàn máu và nhanh lành vết thương.</li> <li>• Thông số kỹ thuật.</li> <li>• Công suất cực đại 220V/50Hz- 250W</li> </ul>
6.212	Xilanh bơm thuốc cân quang 1 nòng 200 ml	Một bộ bao gồm: 01 xylanh thể tích 200ml, 01 dây nối áp lực cao dài 180cm , 01 ống lấy thuốc nhanh chữ J. Chịu áp suất ≥ 300psi; Chất liệu nhựa chịu áp. Tiệt trùng
6.213	Kim cấy chỉ số 7 dùng cho chỉ catgut 4/0	Thân kim có các vạch chia, được làm từ thép y tế không rỉ X5CrNi18-9, lõi kim được làm từ sợi thép không rỉ 12Cr18Ni9. Giá lót lõi, giá đỡ kim, ống bảo vệ được làm từ nhựa PP chuyên dùng trong y tế. Kích cỡ: 0.7 x 55mm

6.214	chỉ catgut 4/0	Chỉ tan chậm tự nhiên chromic catgut số 4/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 26 mm. Kim thép 302 phủ silicon, mũi kim. Chỉ làm từ collagen tinh khiết, sợi chắc, mềm dễ uốn. Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả
6.215	Bipoler mỏ nội soi	Ruột kẹp Johann, chiều dài hàm 17mm, kích thước 5 x 330mm, lưỡng cực. Vỏ ngoài,, kích thước 5 x 330mm, lưỡng cực. Tay cầm, lưỡng cực, size M
6.216	Sonde gọng mũi dùng trong thở CPAP	Các cỡ dùng cho sơ sinh, nhi (3 cỡ: 0, 1 và 2)
6.217	Kim luồn an toàn	Số 24G. Có đầu bảo vệ bằng kim loại dạng lò xo gồm 2 cánh tay tròn bắt chéo nhau - Catheter nhựa Có 4 đường cân quang ngầm. vật liệu FEP-Teflon. - Màng kỹ nước chống máu tràn ra khi thiết lập đường truyền - Kim luồn có cánh, không cửa, tốc độ chảy 22ml/phút, Tốc độ chảy 1320 ml/giờ - Đường kính và độ dài catheter: 0.7mm x 19mm - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485
6.218	Băng dính Urgo	Vải lụa Taffeta trắng, 100 % sợi cellulose acetate từ các nước G7. - Keo: gồm hỗn hợp keo nóng chảy: Zinc dibutyl dithiocarbamate, SIS copolymer, Zinc oxide, Lanolin stellux AIPF, Titanium dioxide, Styrenic Block Copolymers, dầu khoáng trắng. Độ nhớt 8.100-12.700 cP Kích thước 5cm x5m
6.219	Bình hút dịch cầm tường	Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, EU * Đặc điểm kỹ thuật - Dải áp lực hút: 0 tới - 1,0 bar - Áp lực đầu vào thấp nhất: -0.6bar - Áp lực hút cao nhất: -0.9bar - Lưu lượng hút đạt 40 lít/phút - Bình đựng dịch được sản xuất bởi polysulfon và có thể được làm sạch, khử trùng ở mức 134°C * Cấu hình bao gồm: - 01 Đầu cầm đực chuẩn Anh cho khí hút - 01 Bộ điều chế áp lực hút kèm bình chống tràn dịch - 01 Bình đựng dịch 1000 ml (sử dụng nhiều lần) - 01 dây dẫn dịch silicone
6.220	Bộ dây máy thở CPAP	Dây thở silicon, dùng cho máy CPAP 165 - Việt Nam (đã bao gồm dây nhiệt loại 07 chân)
6.221	Điện cực dán dây Máy điện cơ	Gồm 03 điện cực dán ( 02 điện cực ghi, 01 điện cực đất). Điện cực làm bằng : Ag/AgCl. Gel dính : Acrylic hydrophilic high polymer, glycerin, water,..hoặc tương đương. Băng dính : Polyethylene hoặc tương đương. Vỏ : PET vải không dệt hoặc tương đương. Dây dẫn : đồng (vỏ PVC) hoặc tương đương. Điện áp bù DC :Điện áp bù DC : ±30mV. Trở kháng AC : 3 kΩ hoặc ít hơn
6.222	Bộ thắt tĩnh mạch thực quản dùng nhiều lần	Được sử dụng để nội soi thắt dẫn tĩnh mạch thực quản. Nội soi đường kính ngoài 9.5 -13mm; Cò súng dây chiều dài 122cm; Số vòng thắt: 6; Kênh làm việc tối thiểu: 2.8mm
6.223	Nhiệt kế điện tử	Kết quả đo tức thì sau 1 giây - Chế độ đo đa dạng: đo nhiệt độ cơ thể, đo nhiệt độ môi

		<p>trường, đo nhiệt độ bề mặt ( nước tắm, sữa...)</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Màn hình LCD rộng dễ đọc</li> <li>- Có tính năng cài đặt thời gian</li> <li>- Tự động tắt sau 01 phút không sử dụng.</li> <li>- Lưu trữ được 10 kết quả đo.</li> </ul>
6.224	Surgicryl số 5/0	<p>Chỉ tiêu chất liệu Polyglycolic acid tổng hợp số 5/0 được bao bởi 1 lớp Calcium strearate, và polycaprolactone KT: dài 75cm kim tròn vòng kim 17mm phủ silicone, cong 1/2C. Sức căng còn 50% sau 21 ngày tan hoàn toàn trong 60-90 ngày</p>
6.225	Ăng cây nhựa 10 µl dùng 1 lần	<p>Que cấy nhựa được sản xuất bằng nhựa HIPS chính phẩm, Dung tích 10ul, màu xanh, chất liệu mềm dẻo dễ dàng lấy mẫu cấy vi sinh mà không ảnh hưởng đến môi trường nuôi cấy. Đầu que cấy vi sinh tròn, không bavia, lý tưởng cho các quy trình cấy vi sinh, lấy mẫu đạt độ chính xác cao. Đóng gói kín, không thấm nước ngăn chặn hơi ẩm ô nhiễm. Vô trùng bằng tia gamma.</p>
6.226	Băng keo thun co giãn	<p>Băng thun màu trắng, 100% sợi cotton, độ co giãn <math>\geq 90\%</math>, lực dính 2-9 N/cm.</p> <p>Hỗn hợp keo nóng chảy gồm : Zinc oxide, Zinc dibutyl dithiocarbamate, SIS copolymer, Lanolin stellux AIPF, Titanium dioxide, Styrenic Block Copolymers, dầu khoáng trắng.</p> <p>Kích thước 8cm x 4.5m.</p> <p>Tiêu chuẩn ISO 13485</p>
6.227	Kim luồn chọc động mạch không cánh	<p>Kim luồn tĩnh mạch không có cánh. Kim luồn tĩnh mạch được làm từ chất liệu Ethylen tetraflourethylen ( ETFE) đem lại sức cản thấp khi thâm nhập. Tiệt trùng bằng chùm tia điện tử, lưu Catheter được 72h.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cỡ 14G ( Độ dài catheter 64mm, đường kính ngoài 2.17mm, đường kính trong 1.73mm, lưu lượng mL/phút: 300).</li> <li>- Cỡ 16G (Độ dài catheter 51mm, đường kính ngoài 1.70mm, đường kính trong 1.30mm, lưu lượng mL/phút: 190 ).</li> <li>- Cỡ 18G (Độ dài catheter 51mm, đường kính ngoài 1.30mm, đường kính trong 0,95mm, lưu lượng mL/phút: 90 )</li> <li>- Cỡ 20G (Độ dài catheter 51mm, đường kính ngoài 1.10mm, đường kính trong 0.80mm, lưu lượng mL/phút: 55)</li> <li>- Cỡ 22G (Độ dài catheter 25mm, đường kính ngoài 0.85mm, đường kính trong 0.60mm, lưu lượng mL/phút: 35)</li> <li>- Cỡ 24G (Độ dài catheter 19mm, đường kính ngoài 0.67mm, đường kính trong 0.47mm, lưu lượng mL/phút: 15)</li> </ul>
6.228	Cáp điện tim ( dùng cho máy theo dõi bệnh nhân hãng GE)	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Lớp phủ chống hóa chất giúp kéo dài tuổi thọ, tạo điều kiện làm sạch và vẫn linh hoạt để chịu được sự uốn cong và xoắn và nâng cao sự thoải mái cho bệnh nhân.</li> <li>• Dây dẫn được lắp đặt nhanh chóng và dễ dàng với các chốt và chốt lấy mã màu, được dán nhãn rõ ràng..</li> <li>• Dây dẫn được bảo vệ bằng điện để bảo vệ tính toàn vẹn của tín hiệu ECG.</li> <li>• Chuẩn AHA</li> <li>• Phù hợp cho monitor GE</li> </ul>
6.229	Cáp điện tim ( dùng cho máy theo dõi bệnh nhân)	<p>Dây điện tim loại kẹp 3 điện cực. Chiều dài 0,8m, chuẩn IEC và Dây nối cho dây điện tim 3, 6 điện cực. Chiều dài 3m, chuẩn IEC</p>

	nhân hãng Nihonkohden))	
6.230	Cáp điện tim ( dùng cho máy điện tim hãng Suzuken)	Chất liệu: Cáp bằng TPU chất lượng cao, 2.5+0.9m, màu xám; vật liệu PVC y tế chống kéo dãn
6.231	Cáp điện tim ( dùng cho máy điện tim hãng Nihonkohden)	Dây cáp dài 2m, chuẩn IEC. Đầu cáp cắm vào điện cực chi, điện cực trước ngực đường kính 3mm. Nhiệt độ hoạt động 5-40 độ, độ ẩm 25-95%
6.232	Cáp SOP2 ( dùng cho máy theo dõi bệnh nhân hãng GE)	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Cáp kết nối SpO2 chất lượng cao</li> <li>• Tái sử dụng</li> <li>• Nhỏ gọn và nhẹ</li> <li>• Dễ dàng kết nối và ngắt kết nối</li> <li>• Cắm biến SpO2 dài 1 m dùng nhiều lần cho người lớn</li> </ul>
6.233	Cáp SOP2 ( dùng cho máy theo dõi bệnh nhân hãng Nihonkohden)	<p>1. Đầu đo SpO2 : Phạm vi nhiệt độ để độ chính xác SpO2 được đảm bảo: 18 đến 40 ° C</p> <p>Độ chính xác SpO2: từ 80% đến 100% SpO2 : ± 2%SpO2 . từ 70% đến &lt;80%: ± 3% SpO2 . dưới 70% không được chỉ định.</p> <p>Chuẩn kháng nước: Phụ thuộc vào thiết bị được kết nối (chỉ phần cảm biến tuân thủ IPX4 (được bảo vệ chống lại nước bắn như quy định trong IEC 60529). Độ dài dây nối 1,6 m</p> <p>Loại kẹp vào ngón tay dùng cho người lớn và trẻ từ 20kg trở lên</p> <p>2. Dây nối đo cho đầu đo SpO2: Chiều dài dây 2.5m. Dùng để nối với đầu đo SpO2. Nhiệt độ hoạt động từ 0 - 45 độ. Độ ẩm từ 30-95% RH</p> <p>Độ chính xác SpO2 từ 18-40 độ</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đầu nối với đầu đo SpO2: Đầu nối hình chữ Nhật 15 chân (Đực)</li> <li>- Đầu nối cắm máy monitor: Đầu nối hình chữ nhật 9 chân (cái)</li> </ul>
6.234	Cáp SOP2 ( dùng cho máy theo dõi bệnh nhân hãng Contec/ Trung Quốc)	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Tiêu chuẩn an toàn: IEC 60601-1-1, tương thích với MDD 93/42/EEG và EN9919:2005</li> <li>• Công nghệ đo: LED 3 bước sóng và bộ thu nhận quang học</li> <li>• Bước sóng LED: 660nm / 880nm / 940nm</li> <li>• Độ chính xác SpO2: ±3% (70-100%); Không xác định (0-69%)</li> <li>• Dải đo nhịp mạch: 20 - 250 nhịp / phút</li> <li>• Độ chính xác đo nhịp mạch: ±3 (20 - 250 nhịp / phút)</li> <li>• Chất liệu: Vỏ bằng nhựa, bằng Silicon</li> <li>• Cáp bằng TPU, đường kính 4mm, dài 3m hoặc 1m.</li> </ul>

### 1.3. Các yêu cầu khác

**\* Nhà thầu phải nộp cùng với E-HSDT các tài liệu sau đây:**

Đối với toàn bộ hàng hóa:

- Có Catalog hoặc tài liệu kỹ thuật khác của Nhà sản xuất có đầy đủ nội dung chứng minh các đặc tính, thông số kỹ thuật đối với các hàng hóa chào thầu (Nếu là ngôn ngữ nước ngoài phải có bản dịch sang tiếng Việt) có đầy đủ nội dung chứng minh thông số kỹ thuật đối với các hàng hóa tham dự thầu theo yêu cầu của E-HSMT và chịu trách nhiệm về nội dung và tính chính xác giữa bản gốc và bản dịch). Đồng

thời, nhà thầu cần đánh dấu (Highlight) thông số cụ thể của hàng hóa đáp ứng yêu cầu kỹ thuật tại E-HSMT trên cả tài liệu Tiếng Anh và Tiếng Việt.

Đối với hàng hóa là Thiết bị y tế: Nộp thêm các tài liệu sau.

- Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485 hoặc CE hoặc FDA hoặc tương đương của nhà sản xuất còn hiệu lực với các mặt hàng tham dự.

- Số lưu hành còn hiệu lực bao gồm Số công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với Thiết bị y tế thuộc loại A, B do Sở Y tế cấp hoặc Số giấy chứng nhận đăng ký lưu hành đối với Thiết bị y tế thuộc loại C, D do Bộ Y tế cấp và Kết quả phân loại Thiết bị y tế theo quy định tại Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021, Nghị định số 07/2023/NĐ-CP ngày 03/03/2023 và Nghị định 04/2025/NĐ-CP ngày 01/01/2025 của Chính phủ.

Lưu ý:

- Trong trường hợp Nhà thầu chứng minh hàng hóa chào thầu không phải là Thiết bị y tế (*Thiết bị phòng thí nghiệm hoặc thiết bị thí nghiệm dùng trong y tế hoặc thiết bị phụ trợ dùng cho y tế*) thì Nhà thầu không cần nộp Số lưu hành và Kết quả phân loại Thiết bị y tế cho hàng hóa đó.

- Nhà thầu phải cam kết hàng hóa chào thầu đã được kê khai giá (Đối với hàng hóa bắt buộc kê khai giá theo quy định tại Thông tư số 29/2024/TT-BYT ngày 03/11/2024 của Bộ Y tế) hoặc niêm yết giá Thiết bị y tế theo Khoản 9 & 10, Điều 1, Nghị định 07/2023/NĐ-CP ngày 03/03/2023 và cam kết giá bán không cao hơn giá kê khai hoặc giá niêm yết theo Khoản 1, Điều 18, Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/07/2024 & Điểm 7, Khoản 18, Điều 1, Nghị định 07/2023/NĐ-CP ngày 03/03/2023.

- Nhà thầu có cam kết tại thời điểm đối chiếu tài liệu hoặc hoàn thiện hợp đồng: Nhà thầu phải nộp các tài liệu chứng minh **khả năng cung ứng hàng hóa có nguồn gốc rõ ràng và hợp lệ**, nhằm đảm bảo đáp ứng yêu cầu về năng lực kỹ thuật theo quy định về “Điều kiện ký kết hợp đồng” tại Khoản 2 Điều 66 Luật đấu thầu số 22/2023/QH15. Trường hợp Nhà thầu không thể cung cấp tài liệu chứng minh, Nhà thầu sẽ không đủ điều kiện xét trúng thầu theo hướng dẫn tại Khoản 19 Điều 140 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

Đối với yêu cầu lắp đặt, giao hàng, tuổi thọ của hàng hóa:

- Cam kết tất cả hàng hóa cung cấp mới 100%, chưa qua sử dụng, có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, còn nguyên đai, nguyên kiện theo quy cách đóng gói của nhà sản xuất.

- Giao hàng trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn hàng / yêu cầu của Chủ đầu tư. Giao hàng trong vòng 12 giờ trong trường hợp cấp cứu hoặc các tình huống khẩn cấp đột xuất.

**Mục 2. Bản vẽ: Không có**

**Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm:** Việc kiểm tra, thử nghiệm các hàng hóa được yêu cầu sẽ được tổ chức tại Bệnh viện Đa khoa Hoà Bình; Địa chỉ: Đường Cù Chính Lan, phường Hòa Bình, tỉnh Phú Thọ. Hàng hóa nhà thầu cung cấp trước khi được nghiệm thu sẽ được bên mời thầu kiểm. Bất cứ hàng hóa nào không đảm bảo chất lượng theo yêu cầu của E-HSMT và E-HSDT sẽ không được nghiệm thu.